

TRITÂN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA HÀNG TUẦN

Mục lục

* Một bài thơ — Một sử-thực	Hoa-Bàng
* Những ông nghề triều Lê (LXXIV)	Nguyễn-văn-Tổ
* Đại-Nam dật-sự (XXI)	Ứng-Học
* Quê hương bà Lê Thái-bậu	Tiền-Đàm
* Sách biên-dịch triết-học	Nguyễn-dinh-Thi
* Gốc tích thành Huế (I)	Nguyễn-văn-Tổ
* Xán-chương quận-sự	Hoàng-thiếu-Sơn
* Bản sách-dẫn về Đại-Nam liệt truyện (XVI)	Thọ-Xuân Lê-văn-Phúc
* Cháy cung Chương-Võ (tiểu thuyết, XVII)	Chu-Thiên



Tòa báo: 95-97, Chancéaulne, Hanoi

Một năm 18\$00 — 6 tháng 9\$50 — 3 tháng 5\$00 — Mỗi số 0\$40

Một bài thơ — Một sử-thực — Một vinh-dự lớn của

Triều Quang-Trung

chiến thắng Mãn-Thanh về mặt ngoại giao

HOA-BẮNG

Xuân canh-tuất (1790).

Phúc Khang-An, tổng-dốc Lương Quảng, làm theo ý vua Thanh Càn-long đã định trong tờ dụ gửi cho vua Quang-Trung (1788 — 1792) ngày tháng năm, năm Càn-long thứ 54 (1789), giục Quốc-vương sửa-soạn sang triều-cận.

Nhưng, không muốn hạ mình làm một việc không xứng-đáng đối với khách chiến-thắng, vua Quang-Trung nói thác là có tang mẹ, không tiện đi, xin sai con là Quang-Thủy đi thay vậy.

Cho thế là không tiện, Khang-An phái người sang Nam căn-dận rằng: Cực chẳng đã, nếu Quốc-vương không thân sang triều-cận được thì nên chọn lấy một người trạng-mạo giống mình mà cho đi thay.

Vấn nhớ mình là nước nhỏ, vua Quang-Trung không muốn « già néo » đề « giấy » ngoại giao nữa, nhưng phải dứt, nên ngài chọn Phạm-cộng-Trị, người giống mặt mình, đóng vai giả vương, sang Tàu, mừng vua Thanh Càn-long về dịp Bát-tuần vạn-thọ.

Phước-giả-vương đi chuyến này, Sứ-bộ gộp có các quan văn võ cao-cấp: Ngô Văn-Sở, Đặng-Văn-Chân, Phan-Huy-Ích, Võ-Huy-Tấn, Võ-Danh-Tiểu, Nguyễn-Tiến-Lộc và Đỗ-Văn-Công... Ấy là không kể

những viên quan thấp cũng được cử đi cho đủ số như Đoàn-Nguyễn-Tuấn chẳng hạn.

Sứ-bộ ấy khởi-hành từ ngày 29, tháng 3, năm canh-tuất (1790).

Từ lúc bước chân sang đất Tàu cho đến khi quay gót ra về, Sứ-bộ ta được nhà Thanh đón-tiếp đối-đãi một cách quá đặc-biệt, quá long-trọng. Cho đến Đoàn-Nguyễn-Tuấn, một người trong Phái-bộ ấy, đã viết bằng giọng đả-thắng ở cuối cuốn *Tinh-sa kỷ hành* (1) của Phan-Huy-Ích, một tập thơ kỷ thuật chuyến đi sứ này, rằng: « ...Thị hành dã, Đại Hoàng-đế đặc-cách Đốc-thần-bạn tổng: Chu xa linh kỳ diệu nhân nhĩ mục. Sở chỉ quan lại bốn tàu nghinh phó. Thu, đề Nhiệt-hà hành cung; phục lòng Giá, hồi Yên-kinh, chi Tây-nguyên. Liên tuần tiến yết: thiên sủng ưu dị. Tông lại ngộ quốc sứ Hoa vị hữu như thử chi kỳ thả vinh giả!... » (2)

Nghĩa là: « ...Chuyến đi này được Nhà vua (Thanh) đặc-cách cho quan Tổng-dốc (Tàu) đi bạn-tổng. Thuyền xe cờ quạt quàng cả tại mặt người ta. Đi lời đầu, quan lại phải bốn tàu đón tiếp đến đó. Mùa thu (năm canh-tuất, 1790), đến hành-cung ở Nhiệt-hà; lại

theo Xa-già (vua Thanh) về Yên-kinh, đi Tây-nguyên. Luôn luôn tiến yết hàng tuần, được ơn trời ưu-yếm, ưu đãi khác thường. Trước giờ người mình đi sứ Tàu chưa có lần nào lạ-lùng và vẻ-vang như vậy... »

Sứ-bộ đi từ cuối xuân canh-tuất (1790) đến 30 tháng 11 năm ấy thì về tới Nam-quan, ròng-rã tám tháng trời, phẩm những tình-tiết được nhà Thanh trọng đãi ra sao, tôi đã nói kỹ trong phần « Đối ngoại » ở cuốn « Quang-Trung » (dang in); nay xin đan cử một chuyện này để các bạn đọc thân mến thấy rõ, dưới triều Quang-Trung, địa-vị và giá-trị của Sứ-bộ Đại-Việt trong con mắt người Trung-hoa là thế nào.

Nguyên ngày 20, tháng 8, năm canh-tuất (1790) ấy, Sứ-bộ ta được vua Thanh ban chỉ khiến về nước. Giữa ngày ấy, Sứ-bộ dự-tiệc ở đền Chính-dại-Quang-minh với bao nhiêu về huy-hoàng long-lẫy. Hồi, Phan-Huy-Ích, tác-giả bài thơ dưới đây, cùng với Võ-Huy-Tấn, được đặc-cách với đến bên ngự-tọa vua Tàu, được ban thứ rượu « đề-lồ » đựng trong chén bích-ngọc do chính tay vua Thanh Cao-Tông rót mời.

Đề ghi việc vui mừng mà cảm động ấy, Phan-Huy-Ích có viết một bài trường thiên này:

Thánh thọ khải xương thì.
 Thê hàng đồng chúc hồ.
 Chỉ-nam tảo tích biên,
 Yển diên long sủng số.
 Ban liệt túc Minh-đường,
 Hiều vân ứng loan lộ.
 Yển niên bảo lộ hương,
 Đan đình lẩu Thiều-hộ.
 Ân chỉ tự thiên lai;
 Lễ quan hô Phan, Võ.
 Ung triệu, khởi xuấ! ban;
 Ngủ trung hỉ thả cụ!
 Khu lũ đấng điện giai,
 Các lão liền dẫn bộ;
 Xu hướng long tọa bàng,
 Khúc kỹ, linh ón dụ.
 Ân dẫu ngọc tửu hồ
 Châm chúc xuất ngự thủ,
 Thân từ bích ngọc chi
 Gia ngạch, cung linh thụ;
 Khuynh âm bất cảm dư,
 Đề hồ nhuận phế phủ.
 Phấn tước giao thị thần,
 Khẩu tạ liên khê thủ.
 Giảng giai hoàn tự ban:
 Túc đạo nhi thủ vũ!
 Thánh-nhân tử thứ bang,
 Ân dục khoáng tiền cồ.
 Hải-nam hãn-mặc thần
 Kiêu-hãnh thao giửn cố!
 Biều từ gia trượng kiên,
 Trán phẩm thưởng thi cừ,
 Cẩm nội từ dụ quan,
 Đắc triệu phẩm tam độ
 Xu-xương điện bệ gian
 Khuê văn hạnh thân đồ.
 Trùng phụng ngự liền bồi,
 Thiên tôn sai cam lộ.
 Tình lưỡng hạ hồng thì,
 Thiều-quân trường luyện mộ.
 Phiên quốc phụng thám tần,
 Kỷ đặc kỳ lao ngộ?
 Phi tiên báo quốc nhân:
 Hoàng-hoa (3) đệ nhất bộ. » (4)

聖梯指宴班曉烟丹恩禮應五僊閣趨曲案斟親加傾醴反叩降足聖恩海僥
 壽航南筵列雲臺庭旨官召中僂老向踞頭酌賜額飲酬爵謝塔蹈人育南倖
 啓同早隆肅擁寶奏自呼起喜登前龍聆玉出碧棊不潤交連還而子曠翰叨
 昌祝錫寵明鸞爐韶天潘出且殿引座溫酒御玉領敢肺侍稽就手席前墨簡
 辰啟駟數堂輅香縹來武班懼塔步旁論蠹手扈受餘腑臣首班舞邦古臣顧
 表珍禁特趨奎重天旌韶藩幾飛皇
 詞品內召踏文奉尊獎釣國得箋華
 嘉賞賜凡殿幸銜洒荷長奉奇報第
 脍詩遊三陸親前甘鴻戀琛遭國一
 虔句觀度間睹杯露施恭頻遇人部

Dịch:

Thánh mở vận xương mình.
 Lặn lội di chúc thọ.
 Xe chỉ nam sớm ban,
 Tiệc linh đình được dự.
 Ban cò (5) lập Minh-đường (6),
 (Xem tiếp trang 8)

(1) In mộc - bốn năm canh thân (1860) đời Cảnh-thịnh (1793 1802) - Bảo-Chấn-quân tàng bản.

(2) Tinh-sa kỹ hành, tờ 39.

(3) Tiêu-nhã trong kinh Thi có thiên Hàng hoàng giả hơ, là thơ vua tiêu sử-thần bằng lễ nhạc. Ý nói xa-xôi mà có quang hóa. Nhân thế, đời dùng thơ Hoàng-hoa làm lời xưng-tụng sử-thần.

(4) Tinh-sa kỹ hành, tờ 27 a-28 a.

(5) Chỉ bóng về hàng bực quan-lieu.

(6) Minh-đường là nhà tổ chính-lệnh và giáo hóa xưa, thiên tử dùng nhà Minh-đường để thờ Thượng đế lễ Hên-lỗ, triều chư-hầu, nước lễ già, tôn ngời lục, phẩm những sự gì thuộc đời-lễ lớn đều làm ở đây cả.

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHỀ TRIỀU LÊ

Số 74

Ứng-hóa NGUYỄN-VĂN-TỔ

Bia đề lên các ông tiến-sĩ năm Hồng-đức thứ 27. (1496) đã mờ mất nhiều, nên không dịch được toàn bộ, chỉ theo quyển *Lịch triều tiến sĩ đề danh bi ký* (bản sao của Trường Đắc-cổ số A 109) dịch đại ý như sau này.

« Năm nay (1496) là năm thứ 37 kể từ khi vua Lê Thánh-tông lên ngôi (năm 1460) (vì vua Lê Thánh-tông có đặt niên-hiệu Quang-thuận mới năm (1460-1469), rồi mới đổi là Hồng-đức, cho nên đến năm 27 hiệu Hồng-đức đã làm vua được 37 năm), trong nước thái- bình, chín châu một mối; mùa xuân năm ấy, chính gặp kỳ thi (chỗ này mất một đoạn, không rõ bao nhiêu người thi). Ngày 19 tháng ba vua ngự điện Kinh-thiên, thân ra đầu bài, sai đề-dụ Bình-bộ-thượng thư Định-công-Bá, Trại-công-Đán, Ngự-sử-dài-dò-ngự-sử Quốc-hữu-Nghiêm, giám-thủ hữu-thị-lăng bộ (không rõ bộ nào) Nguyễn-Hoảng... (mất) và các quan lớn nhỏ, mỗi người mỗi việc... (mất). Ngày 22 tháng ấy, tiến những người học-trò đã trúng cách vào sân điện Kim-Quang, Vua thân ngự xét dung-mạo, lấy được 30 người. Qua ngày 27, vua ngự chĩnh điện, bày đủ lễ xưng danh, cho bọn Nghê-Viên đỗ xống đồ tiến-sĩ gặp-đề, tiến-sĩ xuất-thân và đồng tiến-sĩ xuất-thân, có lần lượt ban cho ăn-vinh, theo như lệ cũ, sai quan bộ Lễ khắc tên vào bia đá... (mất), sai thần là Lưu-hưng-Hiếu

chép việc thần kinh-cần chấp tay cúi đầu mà viết văn bia này... (mất một đoạn).

Từ xưa những ông vua làm cho trong nước được thịnh trị, đều lấy việc thi học trò cầu hiền-tài làm việc trước. Đức Hoàng-đế bệ hạ, lấy thiên-tự trị-thành, cai trị vạn-vũ-trùng-hi, ngày đêm lo-lắng, mưu-toan thịnh trị, cầu người hiền không cứ một lối, thi học-trò không cứ một đường, lại có dụng học-hiệu đề-dạy, có nhà lẫn-hưng đề-gây-dựng, tới hiền, thân ra đầu bài đề thi, yết bằng khắc tên đề cho vinh-hiến, phép-tắc rất là rộng rãi; cái mỹ-ý khuyến-kích hiền-tài, so với những bậc anh-minh đời xưa cũng thế. Người học-trò sinh ở đời này được may-mắn thay!

Nên cầu thực-học, chớ chuộng hư-danh, văn-de-hương hồn-ngạc (văn đời-cổ), sự-nghiệp to-lớn... (mất một đoạn); nêu được như Hàn-Dũ... (mất một đoạn), không nên như Công-lôi là người không học... (lại mất mấy câu) thì xấu hổ cho khoa-mục, làm vết tাম đã này, không những là trái cái mỹ-ý của triều-dinh mở khoa thi lấy học-trò, mà đối với tấm lòng của người học-trò, bẽ đi học, lớn ra làm, cũng lấy làm hổ-thẹn, đáng kiếng sợ thay! Thần kính cầu viết bài ký này.

« Hiền-cung đại-phu, Hàn-lâm việch-thi-giảng, tham-chưởng Hàn-lâm-viện sự (thầy); Lưu-hưng-Hiếu phụng soạn. — Cần-sự là Trùng-

thư-giám chính-tự (thần) Nguyễn-Đức-phụng thư. — Mậu-lâm-lang Kim-quang-môn đại-chiếu (thần) Nguyễn-Nhân phụng triện.

« Bia dựng này mong năm tháng chạp năm Hồng-đức thứ 27 (1496). »

Đặng khoa lục, (quyển 1, tờ 41a) chép khoa bình-thin 1496 thi hội trúng cách 43 người, dẫn vào điện-dinh, vua thân ngự xét dung-mạo, lấy 30 người. Lúc bấy giờ có Vũ-vân-Üên, người Vũ-ninh (Võ-giang), thi hội đỗ thứ hai, đến thi đình bị truất.

Ba ông đề nhất giáp là:

1. — Tiến-sĩ cấp đệ đệ nhất danh (trạng-nguyên) Nghiêm-Viên, người thôn Cẩm-chàng, xã Bông-lai, huyện Quế-dương, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc (nay Bắc-ninh). « Nguyễn trước viết chữ Viên « thứ » bên vào đình đối quyền của ông và quyền Nguyễn-Hải ở Kim-đôi ngang nhau. Vì vua năm đó mong thấy một « có » hổ ăn đầu người, nên với hết cả những tiến-sĩ trúng cách vào điện đề xét dung-mạo, thấy ông có đầu, mặt giống mặt hổ, lại nổi râu (dầu là vuốt hổ) clo đồ đầu, đổi chữ Viên làm chữ « ngọc » bên, gả công-thừa; sau khi vinh qui ngộ-độc, mất, chưa kịp làm quan» (dịch ở quyển *Định nguyên phát lục*, bản sao của Đắc-cổ, số A. 1205, tờ 18 a); *Đặng khoa bị khảo*, (quyển Kinh-bắc, tờ 12a) và *Khâm-dịnh Việt-sử* (quyển 24, tờ 20b) chép, « khi ông về nhà, 19 cũ bỏ nước đi, chết... »

2. — Đề nhất giáp tiến-sĩ cấp đệ đệ nhị danh (bảng-nhĩa) Nguyễn-Huân, người xã Kim-
(Xem tiếp trang 23)

GỐC-TÍCH THÀNH HUẾ

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ



GÀY 21 Octobre 1943, tôi có đăng ở *Tri tân* (số 117) một bài về *Những*

tên thành Hà-nội từ xưa đến nay. Gần đây có nhiều bạn đọc-giả xa gần viết thư hỏi tôi về sự tích thành Huế và thành Sài-gòn. Tôi ngần-ngại, chưa dám viết thành bài, vì có nhiều tên đất chưa tìm ra, phải ở ngay đây, thì may mới biết. Vả lại, tra cho đến nơi đến chốn, phải viết thành sách: chính ở Huế đã phải đặt ra một hội « Đô-thành hiệu cổ » từ năm 1913 và in một quyển tạp-chí tên là *Bulletin des Amis du Vieux Huế*.

Tuy khó lòng chu-đáo, nhưng tôi cũng chiều ý độc-giả, tra sách xem tên cũ là gì, mỗi đời thay đổi ra sao, và tên mới có từ bao giờ.

Từ đời thượng-cổ, Huế là đất của bộ Việt-thường. Nguyên đời vua thứ ba họ Hồng-bàng (khoảng năm 2611-2477 trước T.-C.) chia nước làm 15 bộ, trong có bộ Việt-thường: quyền địa-dư của ông Nguyễn-Trãi chưa rằng: « Thuận-hóa cổ Việt-thường bộ », nghĩa là Thuận-hóa (đời Nguyễn-Trãi, 1418-1442) là bộ Việt-thường đời xưa. Sách *Khâm-dịnh Việt-sử* (tiền biên, quyển 1, tờ 3 a và 4 b) chưa Thuận-hóa đời Nguyễn-Trãi « từ huyện Hải-lăng tỉnh Quảng-trị đến phủ Điện Bàn tỉnh Quảng-nam bây giờ » (tức khoảng năm 1818-1883).

Đến đời Trần (246-207 T.-C.) đất Huế là huyện Lâm-ấp, thuộc về Tượng-quận. Năm thứ 44 đời Thục An-dương vương (214 trước T.-C.) Tần Thủy-hoàng sai Đồ-Thư và Sứ-Lộc cướp đất Lĩnh-nam, đặt ra Quế-lâm, Nam-hải và Tượng-quận (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, ngoại kỷ, quyển 1, tờ 8, b; xem *Les theories sur la localisation de la commanderie de Siang* của ông L. Aurousseau trong *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, quyển XXIII, năm 1923, trang 153-164, và của ông H. Maspero trong *Toung pao*, quyển XXIII, năm 1924, trang 373-393).

Về đời Hán (206 trước T.-C. đến 220 sau T.-C.) đất Huế là huyện Tượng-lâm, thuộc quận Nhật-nam. Năm Nguyên đế thứ sáu (111 trước T.-C.) Hán Vũ-đế diệt được họ Triệu (207-111), chia nước ta làm chín quận (*Khâm định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 2, tờ 3 b), lấy Tượng-quận của đời Tần chia làm ba, là giao-chỉ, Cửu-chân và Nhật-nam (*K. đ. q. 1*, tờ 11 b).

Từ cuối đời Hán (220 sau T.-C.) đến suốt đời Tần (265-419), đất Huế là đất Lâm-ấp. Vào cuối đời Hán, con chức công-tào (tựa như lại-mục ở huyện) là Khu-liên giết huyện-lệnh, tự-lập làm vua, đặt tên nước là Lâm-ấp (sau gọi là Chiêm-thành, tức Champa). Ông G. Maspero (*Le royaume de Cham*, trang 51) cho Khu-liên (cửa Tàu) với C-ri Mára (chữ phạn) là

một; ông L. Finot (*Journal asiatique*, quyển CCX, năm 1927 trang 186) và ông G. Coedès (*La dale de l'inscription sanskrit de Võ cạnh (Sud-Annam)*) lại cho C-ri Mára là tên vua nước Pliu nam (Kurung Vnam, nghĩa là vua núi, ở đất Cao-miền đời xưa), chứ không phải là tên vua Chiêm-thành.

Đến đời Tống (960-1276) đất Huế vẫn là đất Chiêm-thành (*K. đ. q. 21*, tờ 23 a, và *Hoàng-Việt địa-dư*, tờ 1 a).

Thế là dân đất Huế, về đời Tần thuộc Tượng-quận, đã bắt đầu theo văn-hóa Tàu; đến cuối đời Hán, thành đất Lâm-ấp thì quay về văn-hóa Ấn-độ. *Hán thư* chép đời Nguyên đế (111 trước T.-C.) đời Tượng-quận làm quận Nhật-nam. Quận Nhật-nam có năm thành: Tây-quyền, Tị-cảnh, Châu-ngô, Lư-dụng và Tượng-lâm. *Thủy-kinh-chú* chép quận-trị của Nhật-nam đời Hán ở huyện Tây-quyền. *Tấn-thư địa-dao ký* của huyện Châu-ngô cách quận-trị Nhật-nam 200 dặm, huyện Lư-dụng cách quận trị Nhật nam 300 dặm. Lưu-Hú nói rằng: Từ huyện Châu-ngô đi về phía nam 400 dặm, đến nước Lâm-ấp. Sách *Thiên hạ quận-quốc lợi-bệnh* của Cổ-dĩnh-Lâm chép rằng: Tị-cảnh và Châu-ngô đều ở cõi bắc Chiêm-thành; Lư-dụng ở phía tây thành Châu-ngô. Nay đem số dặm mà xét, từ Quảng-binh đến Thừa-thiên trên dưới 200 dặm, đến Quảng-nam trên dưới 300 dặm, Quảng-nam đến Bình-dịnh trên dưới 400 dặm » (chính thực ra thì Đồng-hới, tỉnh-lỵ Quảng-binh, cách Huế 166 cây số (km.), Hội-an (tức Phố hoặc Faisoq), tỉnh-lỵ Quảng-nam, cách Huế 135 cây số).

(Xem tiếp trang 17)

Thăm dấu người xưa

QUÊ HƯƠNG BÀ LÊ THÁI-HẬU

sinh ra vua LÊ HIỂN-TÔNG

TIỀN-DẪM



Kính buổi sáng, chúng tôi qua làng Đồng-tĩnh, rồi băng đường sang làng Thọ-vực (Bắc-ninh).

Dọc đường, chúng tôi thấy một tòa cổ-miếu, hỏi người làng mới biết là điện Bảo-hòa thờ bà Nhu, Thuận Hoàng Thái-hậu, sinh vua Lê Hiến-Tông (1740-1786).

Một bà Hoàng Thái-hậu sinh ra một ông vua ở ngôi ngót 50 năm, nhỡ ra thì về nhà Lê ở Lam-sơn phụng tự, sao lại còn ở trong hỏa nơi đây? Đó là câu hỏi mà chúng tôi nghĩ đi, nghĩ lại khi bước chân vào sân nhà một ông ăn sĩ làng Thọ-vực (1). Thôi may, ở đây chúng tôi được tiếp một ông cháu chi (2) trưởng bà Hoàng Thái-hậu về đời thứ 13. Sau khi chè nước hàn huyền, ông đã có lòng tốt cho xem gia phả của ngài Nhu Thuận Hoàng Thái-hậu.

Thái-hậu là người thôn Nhân-vực, xã Thọ-vực (một xã ba thôn) tổng Xuân-cầu, huyện Văn-giang, tỉnh Bắc-ninh.

Bà vốn họ Đào tên là Thị-Nhiễm sinh-trưởng ở nơi bình dân, ông nội là Đào Phúc-Tông (3), cha là Phúc-Kiên (sau phong là Đức-khánh đại-vương), mẹ là Phạm-thị (?) hiệu Từ-mẫn, người làng Liêu-xuyên huyện Đường-hào (nay

là huyện Yên-mỹ, tỉnh Hưng-yên). Thân phụ vốn làm thợ duộm, ra ở Thăng-long, phủ Phụng-thiên, tỉnh người rất hay uống rượu, nên cao hứng biết nghề vẽ, nhưng không được khéo cho lắm.

Hồi ấy vua Lê sai dựng xong một ngôi-diện rồng Nội, truyền lệnh tuyển các thợ vẽ khéo trong nước để vẽ các tường điện. Kiểu vẽ ra cho các thợ dự thi là một quả dưa. Thợ vẽ nào cũng hết sức trổ tài và đều vẽ xong cả; duy có ông Phúc-Kiên chỉ ngồi ngất-ngưỡng đánh chén. Khi người phụng sai đến thúc giục, ông vội vàng vẽ. Thuốc chưa ráo hẳn, vì người gầy gáp quá, ông liền đem bức vẽ bỏ lên lửa, thuốc khô, nức ra như quả dưa thực, trông rất tình-lẽ (4).

Kịp khi đem tranh vào tiến vua lấy làm khéo lạ, tuyển ngay ông sung vào việc vẽ và cho ở trong điện làm việc.

Ông Phúc-Kiên khi ấy có 5 người con gái, 1 người con trai; người con trai là Hiến lại chết sớm.

Ngày ngày người con gái lớn là Thị-Nhiễm, năm ấy vừa 17 tuổi, có sắc đẹp, vẫn hay chơi thường mang cơm rượu cho cha ở trong điện.

Khi vua Thuận Tông (1732-1734) còn làm Thái-tử, ngài thường hay

ra xem vẽ, thấy người con gái nết na, lại đứng bên cạnh có mùi mồ hôi thơm, lấy làm ưa mắt, bèn nạp làm cung-nhân. Kịp khi lên ngôi, niên hiệu Long-đức năm đầu (1732) nhân các bà phi kia không còn, bà Đào thị-Nhiễm sinh được ba Hoàng-tử và hai con gái, được sách phong làm hoàng-hậu.

Vua Thuận Tông thăng bà, con gái nhỏ là Thái-tử Duy Diêu nối ngôi, lấy tên hiệu là Cảnh-hung, tức là vua Lê Hiến-Tông vậy.

Khi vua Hiến-Tông lên ngôi, niên hiệu Cảnh-hung, sách phong cho bà Đào thị-Nhiễm là Hoàng Thái-hậu, ông ngoại là Phúc-Kiên là Đức-khánh đại-vương, các đời trên đều truy-tặng. Lại sai làm 7 tòa điện ở xã Thọ-vực (chỗ miếu ngày nay), gọi là điện Bảo-hòa, để thờ Lên-ngoại. Chỗ ấy đất rộng hơn 2 mẫu, chung quanh đều có xây tường.

Bốn bà em gái bà Đào thị-Nhiễm đều lấy chồng trong vùng:

1 người lấy người xã Thọ-vực họ Chu, làm quan Thiếu-bảo Thượng-tướng, quân đặc tiền Kim-tử Vĩnh-lộc đại-phu tước Duật-phường bá.

1 người gả về quê mẹ ở Liêu-xuyên.

1 người gả về làng Xuân-cầu.

1 người gả về làng Đình-dông (tức là Cầu-dông).

Triều vua Hiền-Tông, các bà này đều được gia phong quận-phu nhân; còn chồng đều phong là hầu tước.

Xã Thọ-vực là quê hương Hoàng Thái-hậu được xá thuế hơn 40 năm.

Khi bà Nhu-Thuận Hoàng Thái-hậu mất ở Thăng-long thì linh thần đưa về Thanh-hóa, còn hồn bạch thì đem thờ ở điện Bảo-hòa xã Thọ-vực (5).

Đến năm Mậu-dần có loạn, nhân dân siêu-tán, gian đồ đốt phá điện thờ. Đến cuối đời vua Hiền-Tông sai đem ngọc cốt bà di táng về phía bắc làng Thọ-vực gọi là xứ Sồi-lác.

Đến nay khách qua đường còn thấy một miếng đất vuông, trên miếng đất có 2 cây gạo cổ thụ, đó là xứ Sồi-lác, tương truyền ngọc cốt chôn ở dưới vì ở trên không có sây lảng mộ gì cả.

Trước miếng đất ấy là văn chỉ xã Thọ-vực.

Lại tương truyền khi bà Đào-thị-Nhiễm còn con gái ở nhà quê, rất hân vi, thường phải đi mò cua ở lạch Cánh-lầy, bà không phải đội nón mà trên đầu thường có bóng rợp, bà lại hay hát đùa với chị em rằng

« Ngày sau ta lấy được vua
Thị ta chẳng bỏ gón của Cánh-lầy » (6).

Khi đã nhập cung, bà vẫn bất tỉnh thần ở Kinh-bắc sai dân tiến của Cánh-lầy vào cung để dùng cơm.

Từ một cô gái bắt cua làm nên bà Hoàng Thái-hậu, thời thường bà vẫn về quê thăm gia-hương, ngự thuyền rồng từ Thăng-long về nhà; đến nay tang-thương biến cải,

ngôi Cánh-lầy đã cạn, điện thờ cha mẹ bà đã bị phá (7), chỉ còn một tòa miếu con, nhưng lại đề phụng tự Bà (?), thế thời sinh con gái bảo là vinh-hiền như nhờ từ một nhà thơ đời Đường vì tất đã đúng (8).

Trên con đường về chúng tôi qua xứ Sồi-lác, nhìn bãi cỏ xanh, hai cây cổ-thụ, không khỏi không ngậm ngùi nhớ thân-thế một bà Thái-hậu, mới qua vài trăm năm mà di-tích không còn gì ! (9)

TIỀN-ĐÀU

PHỤ LỤC

1) Ông ân-tâu là Đào-Cư người xã Thọ-vực là môn đệ Tiên-nhạc phụ.

2) Ông Đào Đông, cháu 13 đời bà Hoàng Thái-hậu về chi giáp, chi bà Hoàng Thái-hậu pháp tự. Xem tôn đồ.

3) Gia phả chép: Đào tượng công tự Phúc-Thông truy-phong Tả-Đô-đốc Bảo quận công.

4) Có lẽ lời ấy đã biết về sau.

5) Bà mất vào ngày mùng 5 tháng 5.

6) Cánh-lầy xưa là một con ngòi, phát nguyên từ làng Đông-tĩnh qua làng Thọ-vực, qua Vĩnh-an, rồi chảy ra sông Nghĩa-trị, một chi-lưu sông Nhật-hà. Thời nhà Lê, bà Lê Thái-hậu đi về thăm quê vẫn đi thuyền rồng qua lối này về sau vỡ đê Phi-liệt đất bồi thành ruộng cấy. Hồi nhà Lê, một lần, hai bà chúa con gái Thái hậu ở Thăng-long đi thuyền rồng về chơi, đến Cống-cầu Sang rẽ vào, nước lớn, thuyền trôi, rất là nguy ngập, chỗ ấy vào địa phận xã Khúc-lộng, người xã Khúc-lộng ra cứu được. Vì thế, bà Thái-hậu cho xã Khúc-lộng được hưởng khước Lầy quan,

nhưng phải dọn cỗ cho thuyền đi. Đến nay thành ruộng thì là quan-diền kỳ tại cga xã Khúc-lộng.

7) Hiện nay ở xã Thọ-vực có hai chi họ Đào và họ Lê. Năm Dân-loạn, hai ông Lê Yên và Đào-Viên nhân diện bị phá có ra thu nhặt những vật liệu về.

8) Trong gia phả có chép một đoạn về phong thủy, chúng tôi ghi dưới đây, không phải vì lòng mê tín, nhưng vì muốn thuật thêm một chuyện bấy nay người ta vẫn cho là ứng nghiệm vào việc chi bà Hoàng Thái-hậu pháp tự.

Gia-phả ấy chép: Nhà họ Đào được ngôi mộ ông Phúc-Diên (bà Lê Thái-hậu gọi bằng cụ).

Mộ táng tại xã Thọ-vực, xứ Đông-giang, cạnh cánh đồng, mạch từ Hoa-cầu (nay là Xuân-cầu) kéo xuống đến đây gặp đồng cao, thành cao nhất ở địa phương, các đồng khác đều thấp lại.

Về phương Dậu gọi là Đống Rút, cao rộng, to mỗi ngày một rộng, về sau sinh bà Lê thị-Nhiễm; khi đến cung rồi sinh ra Thái-tử Duy Diêu (vua Cảnh-Hưng) cũng vào năm Dậu, các nhà phong thủy đều cho là ứng vào chỗ đồng Rút.

Trong gia-phả có ghi cả cái án ngôi đất ấy như sau đây:

Bảo vực (Thọ-vực) danh hương, mạch địa tốt kỳ:

long hoàn Thất quận,
hồ bảo vạn di,
Nhất phong độc tử,
Vạn phụ triều quy,
Địa táng huyền miện,
Kính chiếu nga mi,
Nam sinh quý sĩ,
Nữ xuất hoàng phi,
Hậu đầu thủy khứ,
Vô kế tự nhi.

Hai câu dưới ở gia phả thấy xóa, nhưng ông Đào Cư đọc cho nghe.

Tôn đồ

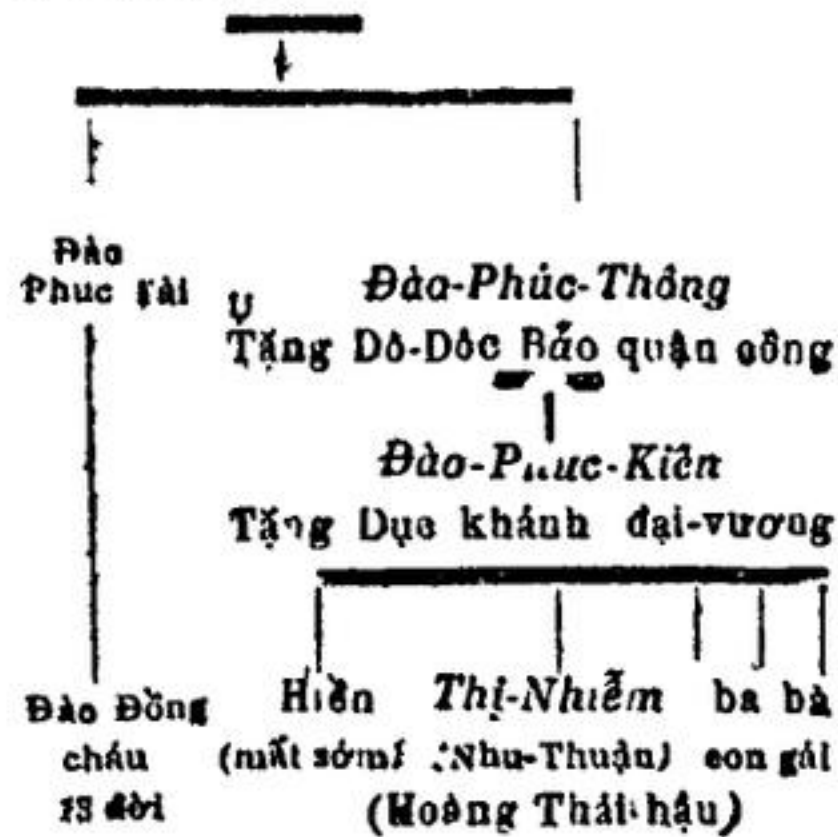
Đào quý công tự Chính Tâm

Đào quý công tự chỉnh Đứơc

Đào quý công tự Phúc Diên

Đào tướng công tự Phúc dền

Tặng Đô-Đốc vận quân công, đồng tể văn sự.



9) Chép theo gia-phả của họ Đào, sách viết năm Minh - mồng thứ 5 (giáp thân, 1824) tiết hạ chỉ do tự tôn là Doãn đề tựa.

Quyển sách nhỏ này ông Đào-Đồng cho xem và kể truyện hồi có giặc Bã-sậy đã phải đem vùi vào đồng trấu.

Còn một bản nữa là ngọc-phả khi xưa họ Đào vẫn giữ; về sau thôn Nhân vực kiện hàng xã lấy miếu về tạc tượng bà Hoàng Thái-hậu, có xin với họ Đào đem bản ấy phụng tự, ở trong miếu.

Xin trân-trọng cảm tạ nhà văn sĩ Đào Cư và ông cháu chủ trưởng Đào Đồng đã giúp tài-liệu viết bài này.

T. Đ.

Một bài thơ...

(Tiếp theo trang 3)

Xe loan mây sớm phủ.

Định trăm lửa khói thơm,
Sân rồng hòa nhạc Hộ (7).

Ấn-chỉ xuống từ trời:

Lễ-quan kêu Phan (8), Võ (9).

Được vời, ra khỏi ban:

Hồi-hợp mừng lần sớ...

Khúm-núm bước lên thềm,

Theo Các-thần (10) dẫn bộ.

Rảo đến bên ngai rồng:

Khom quỳ, nghe ngỏ dụ...

Chính tay vua nghiêng bầu

Rót rượu trên án ngự,

Chén bích-ngọc thân ban.

Ngà g trán giờ, lĩnh thụ.

Cạn chén, không bớt thừa,

Rượu ngon nhuần tạng phủ.

Trao chén lại thị-thần,

Tạ ơn liền khề thủ.

Xuống thềm trở về ban:

Chân khoa, tay lại múa!

Coi các bang như con:

Ơn ấy hiểm từ cớ.

Khen: lời biền truân-kiến (11);

Thưởng thơ: ban của lạ.

Cung-cấm cho đi xem,

Riêng vời những ba độ.

May được ngó khuê văn (12),

Khi rào nơi đường bệ.

Lại được chén ngự tiên:

Rượu trời rảy cam lộ.

Khen, thưởng: ơn rộng to!

Tiếng Thiếu (13), lòng triu mộ.

Phiên-quốc tuy năng sang,

Kỳ thay nay gặp-gỡ!

Báo tin người nước hay:

Thư nhất đày Sĩ-bộ!

Bài thơ trên đây, nếu theo quan-niệm thơ ngày nay mà nghiêm-khắc bình luận, thì hình như không

có gì xuất sắc về mặt nghệ-thuật cho lắm; nhưng nó có một giá-trị rất quý về mặt sử-liệu, vì nó đã làm chứng cho sự-thực về việc ngoại-giao ở đời Quang-Trung.

Vua Tào rót rượu mời sứ-thần Đại-Việt: thật là một việc chưa từng có trên trang sử ngoại-giao giữa ta và Tào xưa.

Phải, trong con mắt vua Tào ngày trước, người mình ở những triều suy-yếu, có được đếm-xỉa gì đến đâu. Ngay như vua Lê Chiêu-Thống, khi thất thế ở Tào, chỉ được người Thanh liệt vào hàng quan tam phẩm; huống chi là hàng sứ-thần đi phò một ông Giả-vương! Nếu không phải vì triều Quang-Trung có binh mạnh, tướng hùng, súng rồng, gươm bén ở sau lưng làm hậu thuẫn cho ngoại giao và các văn thần đương-thời đã dùng văn-chương mà làm vẻ-vang cho nước, thì chúng ta đâu có hân-hạnh được đọc bài thơ ghi cái vinh-dự lớn trong hội « áo xiêm ngọc lụa » ấy! (13)

HOA-BẮNG

(Tài liệu bài này rút trong cuốn Quang-Trung đang in).

(7) Thiên-hộ, tên thứ nhạc do vua Thang nhà Ân làm ra. Cũng gọi là nhạc « Đại hộ », Thiệu, ý nói vua Thang có thể nổi noi vua Đại Vũ. Hộ, có ý là phòng-giữ che-chở cho nhân-dân.

(8) Phan-Huy Ích.

(9) Võ-Huy-Tấn.

(10) Quan trong Nội các.

(11) Thành-khân, kinh ghin.

(12) Cũng như nói « khuê chương », chỉ về văn-chương của nhà vua.

(13) Tên thứ nhạc do vua Ngụy Thuấn chế ra.

ĐẠI-NAM DẬT-SU

Số 22

Cộng-hòa NGUYỄN-VĂN-TỐ

XVI. — Bỏ cái Đại-vương

Nước nam từ khi Mai-thúc-Loan xưng đế (vào năm 722) đến khi Phùng - Hưng lấy lại được phủ thành Đô-hộ (là năm 791), trong 70 năm nội-thuộc nước Tàu, nhà Đường hai lần đổi « An-nam » làm « Trấn-nam » (năm 757) lại đổi « Trấn-nam » làm « An-nam » (năm 768), Nhưng quan Tàu sang làm đô-hộ hoặc kinh-lược thì nhiều, nay xem trong sách Tàu sách ta, thì sau đời Mai-Hắc-đế có **Tống-chi-Đế** (làm Giao-châu tổng-quản vào khoảng 725-727), **Hà-lý-Tiến** (làm An-nam đô-hộ năm 751. — *Việt-kieu-thư*, q. 4, tờ 5 b, chép là Hà-phục-Quang; Đế và Tiên chép theo *An-nam chí nguyên*, q. 2 tr. 157), **Khang-Khiêm** (người đi buôn của Tàu, làm An-nam đô-hộ. *Việt-kieu-thư*, q. 4, tờ 5 b, không chép rõ năm nào, chỉ biết là sau đời Tống-chi-Đế trước đời Triều-Hành), **Triều-Hành** (người nước Nhật-bản, làm An-nam đô-hộ, năm Vĩnh thái thứ 2. Tra niên-biêu thì vua Đường Đại-tông có đặt niên hiệu Vĩnh thái có một năm tức là năm 765, đến năm 766 đã đổi làm niên - hiệu Đại - lịch thứ 1, chứ không có năm thứ 2 hiệu Vĩnh-thái); **Trương-bá-Nghi** (làm kinh-lược-sứ năm 767, tức là người đắp La-thành đầu tiên); **Phụ-lương-Giao Đại-Việt sử-ký**, *Tiền-biên*, q. 6, tờ 7 b chép làm đô-hộ năm 780, *Việt-kieu-thư*,

q. 4, tờ 5 b, và *An-nam chí nguyên*, q. 2, tr. 157, chép vào năm 782), và **Cao-chính-Bình** (sang làm đô-hộ năm nào, thì cả mấy quyển đều không chép rõ, nhưng xét ra *Việt-kieu-thư*, q. 4, tờ 5 b, chép vào sau *Phụ-lương-Giao* thì phải, còn như *An-nam chí nguyên*, q. 2, tr. 157, chép vào trước *Phụ-lương-Giao* thì không đúng, vì có **Cao-chính-Bình** thu thuế nặng, nên mới có **Phùng-Hung**).

Không biết còn bao nhiêu người nữa, chỉ thấy sách chép có độ 7, 8 người ấy thôi, nhưng trong có người do chân đi buôn, có người ngoại-quốc, chính-sự đều tầm-thường, không có điều gì đáng khen đáng chê, duy có **Trương bá-Nghi** là người có công với La thành của ta, mà *An-nam chí nguyên* (q. 3, tr. 178) lại chép vào mục: nhân-vật An-nam, như sau này: **Trương-bá-Nghi** là con **Trương-Thuận**, **Trương-Thuận** về đời **Đường Túc-tông** (756 — 762) bỏ làm thứ-sử châu Giao, năm 757 người nước Đại-thực, nước Ba-tư đem quân vào ăn cướp, hãm phủ thành An-nam, giết mất đô-hộ là **Nguyễn Kinh** (còn người này nữa có lẽ sau **Triều-Hành**) nhận thừa-thắng, tiến đánh **Quảng-châu** vây **Cồ-thành**, **Trương-Thuận** đem người châu Giao, chặn đường về của quân giặc, cho nên phải được giặc ở cửa Thuận thủy thuộc châu-Lục, đến khi báo tin thắng trận

về vua **Đường**, **Túc-tông** ban chiếu thăng **Trương Thuận** làm đô-hộ. Sau **Trương Thuận** mất, vua **Đường** ban chiếu cho con là **Bá Nghi** thay làm chức đô-hộ. Trong khi **Bá-Nghi** làm đô hộ, (năm 767) người nước **Côn-luân** nước **Đồ bà** vào cướp **An-nam**, hãm châu thành. **Bá-Nghi** cầu cứu với chử đô-ủy châu **Vũ-dĩnh** là **Cao-chính-Bình**, **Bình** đem quân đến cứu, phá được quân giặc ở **châu diên**, **Bá-Nghi** lại đắp **La-thành** để phòng bị quân giặc. (*An-nam chí nguyên*, q. 3, tr. 178; *Khâm-dịnh Việt-sử*, *tiền-biên*, q. 4, tờ 24 a; *Đại-việt-sử-ký*, *tiền-biên*, q. 6, tờ 7 a, *Sử ký toàn thư*, ngoại-lý, q. 5, tờ 4 b và 5 a).

Đến năm thứ 7 hiệu **Trinh-nguyên** (791) đời **Đường Đức-tông**, mùa xuân, **An-nam**-đô hộ phủ là **Cao-chính-Bình** thu thuế nhiều và bắt dân đóng góp nặng. Mùa hạ năm ấy (791) có **Phùng - Hưng** xuất đầu lộ diện.

Phùng Hưng là người xã **Đường-lâm**, thuộc **Châu Phong** (**Đường-lâm** là tên xã, nay là xã **Cam-lâm**, huyện **Phước-thọ**, tỉnh **Son-tây**), người cùng làng với **Ngô Quyên**, hiện nay xã **Cam lâm** có đền thờ **Phùng Hưng** (*Đại-việt sử-ký*, *tiền-biên* (Xem tiếp trang 12)

NHÀ GIỒNG RĂNG ĐỒ Ngọc-Giao

173 hàng **Bông Lờ Hanoi** Mấy lâu năm có tiếng là đứng đắn, và làm cần thận hơn hết — Công việc, làm nhanh chóng và có bảo đảm.

Nhân trả lời ông Đình-gia-Trinh :

SÁCH BIÊN - DỊCH TRIẾT - HỌC

NGUYỄN-ĐÌNH-THI

Tôi nhớ ông Huỳnh¹-r-Mai năm xưa, trên tờ Văn-lang, có viết: «*Kẻ học (xin đừng nhầm là học giả) để ngã lòng nhút, là những khi đưa ý kiến mình ra, rồi đợi chờ mãi, không thấy tiếng nào dội lại, khác hơn là nổi lạng lẽ lạnh-lùng*».

Cũng là một kẻ tìm học, tôi rất cảm ơn ông Đình-gia-Trinh; người đã nhắc đến mấy cuốn sách triết-học của tôi, trên tờ Thanh nghị số 132. Nhưng, cũng như Huỳnh tiên-sinh đã viết, cảm ơn là chuyện tình riêng, mà biện bác vẫn là quyền của lý trí. Nên mới có bài này.

Vả lại, nhân một chuyện riêng, mà được bàn đến một vấn-đề hợp thời, tưởng cũng nên lắm. Không những thế, chỗ này xin thú thực cùng độc-giả —, tôi còn được dịp cải chính một điều lầm đã đôi phen được thấy trong các bạn bè: là tưởng rằng học-giả Kiều-thanh-Quế (người Nam-kỳ) với tôi (người Bắc kỳ) là một. Vậy xin thưa: Kiều tiên-sinh với tôi chỉ mới được biết nhau trên mặt sách vở và báo chí mà thôi.

Tôi không có tờ Thanh nghị số 132 trong tay, nên không trích được đúng những lời ông Đình-gia-Trinh đã viết. Nhưng còn nhớ ông trách nhà xuất bản xứ này sao không ra sách triết-học cho có hệ thống. Đồng thời, khi tìm

hiều vì sao xứ này có một phong trào sách triết-học, và vì sao những cuốn biên khảo của ô. Tô kiều-Phương hay của tôi được đề ý, ông có đưa ra giả thuyết rằng: có lẽ chỉ vì loại sách đó còn mới lạ. Vào sâu trong việc phê-bình hơn, ông có dựa vào một câu quảng cáo của nhà Tân-Việt về cuốn Sinh-hình-học của tôi mà đặt cho những sách triết-học hiện thời cái đặc tính là nhắc lại cho những học trò Trung đẳng cũ một vài điều hiểu biết thấu thái từ xưa trên ghế nhà trường. Nhắc đến Einstein, ông lại có lòng tốt chỉ giáo cho rằng có những học thuyết của Einstein mà một người học-trò Toán học không hiểu nổi. Còn những tác phẩm của Kant, vẫn lời ông, ngay đến người Pháp và người Âu cũng coi là những sách nát óc, vỡ đầu (casse-tête) nữa. Có lẽ ông muốn khuyên chúng tôi nên biết phận, đừng chạm đến mà vỡ đầu ra chẳng!

Ông Đình-gia-Trinh thực đã quá cần thận vậy.

Nay xin lần lượt trình bày thiển kiến về từng vấn-đề đã được ông mở cho thấy: Sách biên dịch xứ ta, thứ nhất sách triết-học, theo nhời ông, ra đời không có hệ-thống. Vấn đề này, trên Tri-Tân số 129 ngày 10 Février 1944, ông Kiều-thanh-Quế đã có bàn đến. Đại ý Kiều quân là trình độ trí thức của học-giả, và cuộc sống

của nhà văn xứ này chưa đến bậc ra sách có hệ thống cho được. Tôi xin góp thêm một vài ý riêng:

Trước hết, nếu ông Đình-gia-Trinh đề ý đến những nhà xuất bản triết-học bên Pháp, như Félix Alean, Flammarion, Jean Vrin, hay Mellottée (hình như ông Đình-gia-Trinh chỉ nhắc đến nhà xuất bản sau cùng này), chắc ông cũng thấy rằng họ cho ra sách không có hệ thống, theo nghĩa chữ ấy trong bài phê-bình của ông. Có lẽ vì họ không biết xuất bản theo quan niệm của ông Đình-gia-Trinh, nhưng có lẽ vì triết-học không có một hệ-thống im lìm thì đúng hơn nữa. Thực vậy, chúng tôi muốn hỏi lại: Thế nào là xuất bản sách triết-học cho có hệ-thống? Ra sách khảo cứu về từng học thuyết chẳng? Theo ông Đình, thì không phải rồi. Ra những cuốn khảo cứu về từng khoa trong triết-học chẳng? Theo ông Đình có lẽ đúng như thế. Những bắt đầu ở khoa nào? Ông Đình mách: Trước khi ra cuốn Siêu-bình-học, phải có một cuốn Tâm-lý-học.

Tóm lại, hệ thống của ông Đình là từ dễ đến khó vậy.

Nhưng, chúng tôi xin thưa lại.

4.) Nói như thế có cái lầm đầu tiên là khinh độc giả: Ông Đình-gia-Trinh coi người đọc như thế nào? Có phải là những học trò cần dắt từ chỗ này đến chỗ khác không? Ông e người đọc không

hiều nài một cuốn biên khảo về từng triết gia? Sự e ngại đó có lẽ thừa. Xét cho kỹ, quan niệm của ông về những sách biên khảo Việt-nam hiện thời đại khái như thế này: Sách ấy viết cho bọn « học kém » xem, phải viết cho có hệ thống chữ. Còn như những nhà trí thức, học cao, ai thêm đọc! Vậy phải bắt đầu đi từ chỗ dễ dàng rồi dần dà mới lên đến những chỗ thâm áo.

Tôi xin nhường quyền phê phán quan niệm ấy cho bạn đọc. Riêng về chuyện dễ, khó, tôi xin thưa: cái dễ khó là cái tương đối. Năm nay còn là sách khó, có lẽ sang năm đã thành sách dễ. Người viết chớ coi thường: hãy đem hết tài trí rút vào cây bút, chưa chắc đã đủ cho quần chúng đọc. Không gì khó chịu bằng đọc văn một kẻ tự phụ: luôn luôn thấy những cái dễ dàng « giơng », những nét đơn sơ « giả dối ». Luôn luôn thấy giọng dõng dỏi của một kẻ còn cần phải được dạy.

Riêng phần chúng tôi chưa bao giờ dám tự coi viết nài một bộ triết-học có hệ thống như ý ông Đình-gia-Trinh. Nếu những vấn đề chúng tôi trình bày có được cái may mắn là bạn đọc thấy trong sáng, ấy là vì những vấn đề ấy « bản thân » vẫn trong sáng. Còn người viết không thể làm cho dễ dàng một học thuyết rắc rối, cũng không thể biến thành hợp lý, một chủ nghĩa sai lầm vậy.

2.) Và lại, mỗi người hiểu cái dễ khó trong triết-học một khác. Chỗ này phải dành lời cho những nhà chuyên môn. Descartes bắt đầu xây dựng hệ thống của ông trên Phương-pháp. Vậy đối với ông, cần



đặt rõ một phép luận-lý đầu tiên, và cuốn sách đầu tiên cần ra đời là một cuốn luận-lý học. Trong hệ thống, Aristote trái lại, luận-lý là phần cao nhất và phần cuối cùng. Spinoza xây dựng hệ thống của ông trên một vài nhời định nghĩa trong khi Bergson bắt đầu đi từ một vài điều nhận xét về tâm lý, và viết *Introduction à la métaphysique* (Siêu-hình-học nhập môn) sau *Données immédiates de la conscience*. Kant cho in *Critique de la Raison pure* trước *Prolegomenes*, Nietzsche mãi hết đời mới cấu tạo được *Zarathoustra*. Mỗi nhà triết-lý hiểu chữ hệ thống theo một khác. Ông Đình-gia-Trinh cho rằng tâm-lý-học cần ra đời trước Siêu-hình-học. Đó là ý kiến riêng của ông. Riêng về phần tôi, tâm-lý-học chưa phải một khoa-học thực nghiệm. Nó còn vương vít trong vòng phương-pháp siêu-hình: Không biết qua trực giác luận của Bergson dừng có lòng hiểu học thuyết của nhà triết-học Pháp về thời gian, về sự phân rẽ số lượng với phẩm chất, thời gian với không gian, cũng như những quan niệm của ông về bản năng hay trí nhớ.

Không đọc qua đa-nguyên luận (pluralisme) hay thực dụng chủ nghĩa (pragmatisme) làm sao nắm được trọn vẹn chủ trương của William James về dòng tư duy (stream of thought); về những sự biến đổi bất kỳ (variations brusques) trong lý trí. Tôi chưa kể đến những duy-lý-luận của Kant hay Leibniz, cũng như những chủ trương khác nhau về vấn đề tự-do với chỉ định (liberté et déterminisme). Có những vấn đề đứng giữa tâm lý học và siêu-hình-học mà ta không phân biệt được rõ hẳn thuộc về bên nào: một chứng cứ giản dị: vấn đề tự-do, xira xếp trong tâm-lý học (dở Cuvillier hay Challaye ra sẽ thấy) mà trong chương trình học mới lại xếp vào siêu-hình-học, cũng như vấn đề lý trí (problème de la raison). Nhân tiện cũng nên nhắc qua rằng ông Cuvillier đã viết tập thứ hai trong bộ triết-học toàn thư của ông, gồm Luận-lý học, luận lý học, và siêu-hình học, bảy tám năm trước tập thứ nhất (Tâm-lý học).

Riêng ý chúng tôi, trong siêu hình-học cần phân biệt nhiều phần một phần siêu-hình cỗi, trừu tượng và rắc rối, một phần siêu-hình mới thiết thực vì đi sát với khoa học. Trong tất cả triết học, quan trọng nhất là vấn đề phương pháp. Có một phương pháp thích ứng các vấn đề triết-học giải quyết dễ dàng và giản dị. Vì vậy cần trình bày nó trước. Nhưng phương pháp đó phải có tính cách khái quát. Nó không thể là phương pháp của riêng một khoa học nào mà phải bao trùm tất cả các khoa học. Chúng tôi tưởng đã tìm thấy nó (Xem tiếp trang 14)

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

(Tiếp theo trang 9)

biên, q. 6, tờ 8 b, *Sử ký, toàn-thư*, ngoại kỷ, q. 5, tờ 6 a, *Lĩnh-nam trích quái* số A 1897, tờ 28 b) *Ngự-chế việt-sử tổng-vịnh*, q. 1, tờ 13 b, chép theo cựu-sử, đều chép là châu Giao, duy quyền *Khâm-dịnh việt-sử* tiền-biên, q. 4 tờ 26 b, chú thích rằng: Cựu-sử chép châu Giao là nhâm).

Gia-tư bảo Phú, có sức khỏe hơn người, thường bẻ sừng trâu và bắt hổ tay không (*Việt-diện u linh*, số A 751, tờ 16 a chép: Phùng-Hưng đời đời nổi chức từ trưởng châu Đường-lâm, vẫn thường gọi là Quan-lang), Em Phùng-Hưng là Phùng-Hải, cũng có sức khỏe, thường vác được phiến đá nặng 1000 cân, hoặc vác thuyền nhỏ chở độ 1000 béc lúc, đi xa hơn 10 dặm, cho nên nổi tiếng trong nước (Đoạn này theo *Việt-diện u linh*, A 751, tờ 16 b, *Lĩnh-nam trích- quái*, A 1897, tờ 28 b).

Trong hiệu Đại-lịch (766-779) nhà Đường, nhân Giao-châu có loạn, anh em đem quân chúng đến thu phục các ấp láng-giềng, đi đến đâu người ta theo như gió lướt. Phùng-Hưng đặt hiệu là Đô-quân, Phùng-Hải đặt hiệu là Đô-bảo (*Việt-diện u-linh* và *Lĩnh-nam trích- quái* chép: Hưng đời tên là Cự-lão, hiệu là Đô-quân; Hải đời tên là Cự-lực hiệu là Đô-bảo).

Vừa gặp An-nam đô-hộ kinh-lược -sử là Cao-chính-Bình thu thuế nhiều, bắt dân đóng góp nặng, nhân-dân ta oán. Anh em Phùng-Hưng đem quân đến đánh, đã lâu không được. Đến bấy giờ (mùa hạ năm 791) mới dùng mưu kế người làng Đường-lâm là Đỗ-anh-Hàn, đem quân vây phủ đô-hộ, Cao-

chính-Bình lo sợ rồi chết (*Ngự-chế Việt-sử tổng-vịnh* chép: Khi hai bên đánh nhau, được lửa suốt đêm, chiếu trống vang giới, Chính-Bình lo sợ quá mà chết. *Sử-ký* và *Toàn-thư* chép: Chính-Bình lo-sợ buồn-rầu phát bệnh hậu-bồi mà chết; *Việt-diện u-linh* chép: Phùng-Hưng xưng hiệu Đô-quân rồi dùng mưu-kế người làng Đường-lâm là Đỗ-anh-Hàn (có sách chép Đỗ-anh-Hàn), đem quân đi tuần-hành các châu Đường-lâm, châu Tráng, châu Phong, đi đến đâu ai ai cũng theo về cả, oai thanh càng ngày càng nổi, nổi rao lên rằng: sắp lấy phủ đô hộ, Cao-chính-Bình đem quân mạt-hạ (dưới màn, tức là quân thân mật ở trong nhà ra đánh không được, lo buồn thành bệnh rồi chết).

Chính-Bình chết, Phùng-Hưng vào ở Phủ trị, cho Phùng Hải làm thái-úy, chưa được bao lâu thì mất (chỗ này *Việt-diện u-linh* chép: Hưng coi việc 7 năm, *Lĩnh-nam trích- quái* chép: 17 năm, đều sai cả, cứ theo mấy quyền Việt sử và niên-biêu, thì chỉ trong một năm). Dân-chúng muốn lập Phùng-Hải nổi ngôi, tướng của Phùng-Hưng là Bồ-phá-Lặc có sức khỏe hơn đời, « thường nhồi núi hoặc nhấc vác tay không », cố ý không chịu theo dân-chúng lập Phùng-Hải, dân-chúng bèn tôn con Phùng-Hưng là Phùng-An làm chức Đô-phủ-quân. Còn Phùng-Hải thì tránh Bồ-phá-Lặc dời đến ở động Chu-nham, sau không biết đi đâu mất.

Phùng-An đã nổi ngôi, tôn cha làm Phùng-Hưng là Bồ-cái đại-vương. Vì theo cổ-tục gọi cha là Bồ, gọi mẹ là Cái, cho nên tôn hiệu Bồ-Cái là tỏ ý tôn-thân, thế mới biết nước ta lúc bấy giờ chưa có

văn-học, có 1 chữ hiệu mà còn dùng nửa chữ nửa nôm như vậy!

Phùng-An nổi ngôi được ít lâu, Đường Túc-tông cho Triệu-Xương sang làm An-nam đô-hộ, Triệu-Xương đến nơi sai sứ đem lễ nghi và phẩm-vật đến dự Phùng-An trước. Phùng-An cũng sắm đủ nghi-vệ ra đón, xin hàng.

Sau khi Phùng-An mất, người bản-thổ thấy hiện-ứng linh-dị, dân chúng gọi là thần, mới lập đền ở phía tây phủ đô-hộ để thờ cúng. *Đại-Việt sử-ký* (q. 6, tờ 9 a) chép: Đền thờ hiện ở Tích-đền, phường Thịnh-cuông, người làng ấy gọi là « Tây-lung vương ». *Sử-ký Toàn-thư* (q. 5, tờ 6 b) chép: Ngài tức là Phu-Hựu Chương-tín Sùng-nghĩa Bồ-cái đại-vương.

Chuyện chép trên này là theo mấy quyền sử của ta, còn sử Tàu thì tuyệt-nhiên không thấy chép đến việc ông Phùng-Hưng, chỉ thấy *Việt-kiều-thư* (q. 4, tờ 6 a) chép: « An-nam tù-lưu Đỗ-anh-Hàn... », *An-nam chí-nguyên* (q. 2, tr. 157) chép: « An-nam lưu-tù Đỗ-anh-Hàn », *Tư-trị thông-giám* (số 2076, 9.233, tờ 10 b) chép: « Quân man tù-trưởng Đỗ-anh-Hàn... » đại-khái nói: « người đầu xỏ hay người chum ở An-nam là Đỗ-anh-Hàn ». Cứ như thế thì cái mưu-kế của Đỗ-anh-Hàn không những là người có công với Bồ-cái đại-vương mà chính là người có công to với nước Nam, vì Phùng-Hưng sở dĩ được tiếng là một bậc « anh-hung tạo thời-thế », được lưu-truyền là một người biết yêu-nước thương-dân cũng là nhờ có Đỗ-anh-Hàn mới « công thành danh toại ».

Việt-diện u-linh (số A 751, tờ 17 b đến 18 b). lại chép rằng: « Khi Ngô Tiên-Chúa (tức Ngô-

Quyền, cùng người làng Đường-lâm) dựng nước, quân Tàu sang xâm-chiếm, Tiên-Chúa lấy làm lo lắng, đến đêm nằm mộng thấy một ông đầu bạc, áo mũ chỉnh tề, quạt lông gậy trúc, tự đến trước mặt Tiên-Chúa, kể rõ họ Phùng tên Hưng, và nói rằng: đã có một vận thần-bình, mai phục ở nơi hiểm-yếu, Chúa-công nên mau mau tiến quân, khác có âm-phò, không lo ngại gì». Đến trận đánh nhau ở sông Bạch-đăng, quả nhiên nghe tiếng xe ngựa ở trên không, rồi sạ thẳng ản, Tiên-Chúa lấy làm linh-dị, ban chiếu dựng lại đền thờ, sửa thêm quĩ-mô cũ cho sáng-khai, lại cấp cho cờ quạt chiêng trống và dùng thái-lao đến tạ lễ. Trái đời vua thay đời, dần dần thành cổ lễ, trong đời Trần ba lần phong sắc, mãi mãi là «Phu-hựu Chương-tín Sùng-nghĩa» đến nay vẫn còn hương khói.

Ông Lý-lẽ-Xuyên chép Việt-diện u-linh có lời phụ-bình rằng: Lúc sống được vinh-danh, lúc chết được hên-biện, rõ ràng chép ở sử sách, được như Phùng-Đô-quân, chưa dễ mấy người, bấy lời lại có Phá-Lặc là người có lòng tận trung kiệt tiết, con là Phùng-An lại biết nghĩa úy-thiên sự đại, lại cho Đường-lâm thành một nơi danh-thắng, Phùng-Đô-quân thực là một người dựng lá cờ-đỏ đầu tiên...».

Truyện Lý-Ông-Trọng (trả lời báo Thanh-niên), bài nổi.

Báo Thanh niên, số 25, ngày 19-2-1944, đăng ở trang 7 và trang 10, một bài đề là *Quanh chuyện Lý Ông-Trọng*. Trên «nhắc rằng từ lâu không còn nhận sự cộng-tác.» của tác-giả bài *Lý Ông-Trọng*... đăng ở Thanh-niên, số 14, dưới nói «Chỉ muốn đề tâm suy nghĩ về những hành vi của tiền nhân, cũng mong được bổ

ích đôi chút... «Thân trọng» thì chúng tôi (là báo Thanh-niên) vẫn hết sức thận trọng, nhưng không khỏi lăm lăm khi có việc và chúng tôi non nớt «không có người xét nổi» như cụ đã vui lòng dạy bảo. Chúng tôi muốn nhờ cụ giải giùm không biết có nên chăng?»

Nên lắm, nhưng trước hết phải biết tìm, biết dịch những sử-liệu bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm, không nên lăm-lăn như tác-giả bài *Lý Ông-Trọng* đăng ở Thanh-niên, số 14. Muốn «suy nghĩ về những hành vi của tiền nhân», trước hết phải biết những hành-vi ấy thế nào, mà muốn biết thì phải tìm sử, chép sử, cho rõ đủ, rõ đúng, mà lại lấy những tư-cách dạy trong các sách làm sử, của những tay chép sử cụ phách, như ông G. Monod (*De la méthode dans les sciences*), Ông Ch.-V. Langlois và Ch. Seignobos (*Introduction aux études historiques*), v.v.

Bài *Quanh chuyện Lý Ông Trọng* có đủ những tư-cách ấy không?

Trước kia báo Thanh niên đã cải-chính ở số 19 ngày 8-1-1944, hay đôi ý, nói lời «đã đặt Lý Ông Trọng trong mục «Đại-Nam đặt-sử» vào hàng những Lý Cầm, Lý Tiến và Khương Công Phụ, những người Nam làm quan Tàu... mà người ta có thể nói (?) một danh nhân Việt Nam, vì là «người Nam» có đề tiếng lại trong sử sách»! Những lời lẽ như thế không phải bẻ, cho rơm tai trướng mắt độc-giả, duy có lời chua về chữ «đặt» nên nói qua. Báo Thanh niên thưa rằng: «Chữ «đặt» ở đây, tưởng ai cũng hiểu rằng có nghĩa là «đề», là «sắp». Ông Ứng Hoè Nguyễn văn Tố lại hiểu gần như (?) là «bịa», là «bày» (1) và ông bảo người ta

«thiếu hẳn cái khiếu thông hiểu và cái năng lực xét đoán» — chỉ vì ông lẫn lộn «đặt ra» với «đặt vào»! Càng may cho báo Thanh niên, người bạn cũ của Thanh niên viết ở báo Thanh niên (số 14, ngày 4-12-1943, trang 8, cột 1) một câu như thế này: «Không hiểu sao» rồi lại có một thái-độ nhận Lý làm danh nhân nước Việt»! Thế là không phững bịa chuyện ra rằng tôi «đã đặt Lý Ông Trọng vào hàng danh nhân Việt-Nam», lại còn đặt điều ra rằng tôi «có một cái thái-độ nhận Lý làm danh nhân nước Việt»!

Báo Thanh niên, tuy đã cải-chính, nhưng muốn cải hậu, mới dùng lối «qui-biện», nói toàn động nguy-thuyết, nhưng lại quên mất câu «nhận Lý làm danh nhân nước Việt», thành ra lại càng rõ cái thái-độ của Thanh niên. Đã cố tình in trước quên sau, thì viết nổi thế nào được mục *Quốc sử đoán binh*? Cách «hành vi» của người trong nhà còn chẳng xét nổi, thì nói chi đến «những hành vi của tiền nhân»?

Có những thế mà thôi đầu! Lại còn viện những lời lẽ, như chữ «hiểu gần như là...» hay câu «cũng không hẳn nói sai», hoặc câu «người ta có thể nói...»! Sử-học cốt tìm sự thật: nếu đã lăm rồi, mà còn cố ý cải như thế, thì mong sao có đủ tư-rách để viết mục *Quốc sử đoán binh*?

Tuy vậy, tôi vẫn tin ở lời báo Thanh niên nói «bao giờ cũng thờ Lương tâm trên tất cả», nên tôi chắc rằng bạn đồng-nghiep sẽ tỉnh-ngộ và sẽ «đang bài tầy cho độc giả» Thanh niên «biết rõ sự thật»; báo Thanh niên đã dùng «cho sự đính-chính ấy là một phần sự, còn là một sự cưỡng ép».

(Còn nữa)

Ứng hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Sách biên-dịch...

(Tiếp theo trang 11)

trọng triết-học tây phương, trong siêu-hình-học mới. Vì vậy nên viết siêu-hình-học trước. Bạn nào đã đọc cuốn sách nhỏ của chúng tôi hẳn thấy rằng nó chỉ cốt phác lại cuộc sinh thành ra phương pháp mới ấy. (Siêu-hình-học quyển 2 sẽ đem áp dụng phương pháp đó vào một vấn đề căn bản: vấn đề tâm và vật).

3) Vậy, chúng tôi cũng đã đề ý đến vấn đề hệ thống về *Phương diện hình-thức*. (au point de vue formel) Nhưng dù không, cũng chưa đáng trách, vì ta có thể hiểu chữ hệ thống theo *Phương diện nội dung nữa* (au point de vue matériel). Một triết-học nhiều khi không cần có đầu đuôi mà vẫn có hệ-thống. Cái hệ-thống nó nằm bên trong những nhời giải. Cái hệ thống nó ở chỗ điều hòa các ý tưởng với nhau cho thành một khối chắc chắn. Về phương diện nội dung đó, chúng tôi tự nghĩ thật cũng không đáng trách, vì những sách triết-học nào mang tên Nguyễn-dinh-Thị cũng đều đã được nghiên cứu theo một quan điểm duy nhất. Chúng tôi đã có một quan niệm, không hiểu đúng hay sai, nhưng rất rõ rệt về lịch sử triết-học. Chúng tôi chưa có cái may là được học giả làm cho phải thay đổi ý kiến. Vì vậy, cho đến nay, chúng tôi vẫn được dùng một tiêu chuẩn, độc nhất để phê-bình Kant-Nietzsche-Einstein hay Descartes. Nếu không mang tiếng, có lẽ chúng tôi cũng dám như ai kia mà nói rằng đã viết có hệ-thống vậy.

Nói chuyện hệ-thống tạm xong, xin bước sang chuyện phong trào sách triết-học. Ông Đình-gia-Trinh có ý nhắc qua rằng sách triết-học hình như bán chạy. Việc đó đáng lẽ chỉ quan hệ cho nhà xuất bản của tôi. Nhưng, ông lại thêm một câu nghi ngờ nữa chừng giá trị những sách triết-học của tôi, và giảng nghĩa sự bán chạy đó bằng cái giả thuyết: ấy chỉ vì độc giả hiểu kỳ.

Ông Đình-gia-Trinh nói rất đúng. Và tôi cũng mừng rằng độc-gia biết hiểu kỳ khôn ngoan như vậy. Vì sách chúng tôi soạn ra, nào dám hy-vọng sống lấy vài năm. Chỉ dám đem một câu chuyện nêu lên để học thêm thời vậy.

Nhưng cũng vì chúng tôi mong tìm học, nên lời phê-bình của ông Đình khiến chúng tôi thất vọng triệt-đề. Chúng tôi tưởng sẽ được nghe những lời vàng ngọc, vạch rõ những điều hiểu lầm, nói sai, dẫn trái. Chúng tôi tưởng sẽ được trông thấy ánh sáng rực rỡ của một bình giả uyên thâm. Nhưng than ôi, ông Đình-gia-Trinh nói chuyện quá mơ hồ. Và chúng tôi, đọc ông, cũng chưa học thêm được gì hết!

Viết đến đây, chúng tôi nhớ đến những bài phê-bình của Phan-văn-Hùm. Nếu ông Đình-gia-Trinh chưa đọc nhà văn đó, tôi xin mách một vài thí dụ: « Phê-bình bài Tìm chân-lý của ông Sơn-rà » trong Tiếng dân 7 Septembre, 11 Septembre, 14 Septembre 1935 — Phê-bình bài, « Phê-bình với văn hóa » của ô. Thượng-Tân trong Phụ nữ Tân-Văn 3 Mai 1931 v.v... Hay muốn dễ dàng hơn, — xin

nhớ tôi không hề làm quảng cáo cho nhà xuất bản nào —, xin ông tìm tập *Lược lừng* vừa xuất bản được ít lâu.

Nhân chuyện phê-bình, chúng tôi buồn rầu thú thật với bạn đọc là những sách chúng tôi cho ra đời, nhiều khi thực vì gượng gạo, và làm cho chúng tôi buồn. Những cuốn đầu tiên của chúng tôi — *Kant - Nietzsche* —, chỉ ra được một phần, mà lại in lắm ghê gớm. Có khi lầm mà lạc cả nghĩa câu văn, « tri thức » thành « trí thức », « phản đối » thành « phản đối ». Có khi sót một giòng thành nghĩa câu ngược hẳn lại (như một câu trong Einstein). Tuy vậy, bình giả cũng vẫn thương tình làm ngơ cho. Năm nọ oái, cũng trên tờ Tri tân này, một bạn phê-bình cuốn triết-học Nietzsche, khi nhắc đến « Tri-thức-luận » của Nietzsche chỉ viết « Tri-thức » của Nietzsche. Đặt mình, chúng tôi dờ ra xem lại, thấy quả trong sách chỉ in « Trí-thức » của Nietzsche thật.

Người viết sách biên khảo ở xứ ta hiện thời có lẽ cầm bút một cách rặng nhọc và đau đớn hơn cả. Đau đớn vì không ai biết đến cho. Một số bình giả xứ này thường hay khinh suối. Một ví dụ: Có người chê loại sách khảo cứu là một loại sách không có một tính thần gì riêng biệt. Theo nhà bình-giả ấy, chỉ cần xem sách đúng hay sai mà thôi. Nhưng mà trời ơi, cái khó là làm sao mà biết đúng hay sai chứ. Jác-phim Descartes có ba bốn quyền mà người ta cãi nhau ba bốn trăm năm nay còn chưa xong. Vấn đề căn bản trong triết học chỉ có một vấn đề tâm và vật mà hai ngàn năm nay

mới gần ngã ngũ hẳn. Muốn phê-bình nội dung một cuốn sách biên khảo, trước hết cần nắm cho được phương pháp của tác giả đã. Chưa nắm được, xin đừng nói chuyện phê-bình chi, và có phê-bình được, có đáng phê-bình, cũng chỉ có phương pháp đó.

Khi nói rằng ông Đình-gia-Trình không chịu phê-bình thiết thực gì, có lẽ tôi đã lầm, vì ông có viết về cuốn *Siêu-hình-học* mấy câu nặng nề rằng cuốn đó — cũng như những sách triết-học khác — chỉ nhắc lại một vài điều hiển biết có tính cách nhà trường.

Tôi không dám phê-bình những sách triết-học do các tác giả khác trình bày, (nhưng tôi tưởng một cuốn như Phật giáo triết-học thực không « nhà trường » chút nào), nhưng riêng về những sách của

tôi, thật không dám nhận cái hân hạnh là có thể đem dạy học trò. Có lẽ nào ông Đình-gia-Trình lại tặng tôi cái hân hạnh đó cho được. Đúng hơn, có lẽ ông đã định nói rằng những sách của tôi có hai liệt điểm :

1.) Một là phỏng theo các sách nhà trường ;

2.) Hai là không sáng tác được gì mới lạ.

Đáp lại lời trách cứ thứ nhất, tôi chỉ còn biết mời ông Đình gia Trình đọc những sách tôi đã cho ra đời mà thôi. Vì ông không đọc — tôi dám chắc như thế — mà phê-bình thì sao cho công bằng được.

Nói ra thì mong tiếng — mà chúng tôi vẫn tự biết mình chỉ đáng bực học trò nước ngoài —, nhưng xin cúi đầu chịu tội mà phải nói rằng trong những sách giáo khoa hiện thời, phần Siêu-hình-học chỉ được lối một trăm hay hai trăm trang. Bộ Siêu-hình học của chúng tôi, nếu in làm một cuốn, trái lại có lẽ dày trên một ngàn trang. Cuốn thứ nhất, bàn về vấn đề bình luận — là một vấn đề mào đầu — đã mất hơn ba trăm trang. Thực bất tài, chúng tôi không sao rút ngắn hơn được.

Nhưng, ông Đình-gia-Trình sẽ trả lời, dài ngắn có chứng tỏ được gì. Anh viết phỏng theo ý của người, kéo dài bao nhiêu chẳng được.

Chúng tôi lại đành mời ông so sánh cách trình bày của cuốn Siêu-hình học tiếng Việt Nam, với những phần Siêu-hình học nhỏ nhỏ trong các sách chữ Pháp. Đồng thời, chúng tôi mong ông đọc mấy lời đầu sách, để xem

qua điếm của chúng tôi đối với những vấn đề siêu-hình như thế nào.

2.) Đáp lại lời trách cứ thứ hai (không sáng tác được việc gì mới lạ), chúng tôi chỉ còn biết nhận là phải. Vâng, chúng tôi chưa dám nghĩ gì đến chuyện sáng tác, nếu ông hiểu sáng tác là đặt ra một chủ nghĩa mới. Chúng tôi được cái may mắn là đã thấy trong triết-học có một vài con đường mà chúng tôi tin là phải. Không còn dám nghĩ đến sáng tác — vì một đời, một thế kỷ được mấy triết gia sáng tác được lâu dài về sau —, chúng tôi chỉ mong hiểu thấu lý càng những của báu cho người trước để lại. Nhưng một đời khi người xưa không vạch rõ tính cách này hay tính cách khác của một học thuyết. Nếu gặp dịp, chúng tôi đã cố gắng phụ theo người xưa nói một hai nhời. Chẳng hạn, — thực buộc lòng mà phải nói ra như thế này — người đi trước chê những chủ nghĩa xưa là tĩnh. Chúng tôi đã cố gắng tìm xem tĩnh ở chỗ nào, và vì sao tĩnh lại đáng chê. Không dám sáng tác gì, nhưng chúng tôi cố tìm một con đường để đi để bước vào các vấn đề triết-học. Một vài chìa-khóa đã hình như hiện ra trước mắt chúng tôi, và nhờ đó, chúng tôi đã dám mạnh bạo bước (những chìa-khóa ấy thu thập trong một cuốn *Triết-học nhập môn*, và một cuốn *Introduction à la philosophie* sắp ra mắt bạn đọc người Nam và người Pháp).

Đây là số với những chủ nghĩa của các triết gia. Còn số với những sách giáo khoa, chúng tôi tưởng cũng đem đến được một đôi điều

Đã có bán

MẠI TÂY

lưu

TÂY SƯƠNG KÝ

Bản dịch của *Nhượng Tống*
Có cả lời phê bình của *Thánh*
Thân in làm một quyển —
550 trang bìa litho 5 màu
Giá 8\$50

TRĂNG MA LẤU VIỆP

của *Quách Tấn*

Viết theo bộ *Tân biên truyện*
kỳ của cụ *Nguyễn Dữ*
Giá 3\$20

Phiếm luận về

AUGUSTE COMTE

của *Ng. ái Lang* Giá 3\$00
Sắp có bán

LY TAO của *Khuất Nguyên*

Bản dịch của *Nhượng Tống*

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT

129, Lamblot — Hanoi

mới mẻ. Nhưng quan niệm động, tĩnh, mà chúng tôi lấy làm căn bản, trong các sách giáo khoa không có, hoặc mới trình bày mờ nhạt. Ấy là vì chúng tôi được cái may đi sau, được cái may hưởng sẵn công trình của người đi trước, Pascal xưa đã chẳng nói ta già hơn người xưa sao?

Đời trách của ông Đình-gia-Trinh thực có đúng mà cũng có sai lầm vậy.

Đến đây, chúng tôi e đã mang tội nhiều với bạn đọc. Vì vậy, không còn dám kéo dài hơn nữa.

Nhưng trước khi kết luận, không sao có thể yên lòng, nếu không cảm ơn ông Đình-gia-Trinh, đã quá cần thận, e chúng tôi vỡ đầu khi chạm đến Einstein hay Kant.

Chúng tôi xin thưa: đã có một cái mũ sắt rất chắc chắn! Ấy là những sách vở khảo cứu về các triết gia, những cuốn lịch sử triết-học, và những lời bình của triết gia nọ đối với triết gia kia.

Ông mách rằng học thuyết Einstein, một anh học trò toán học không hiểu nổi. Vâng, chúng tôi

cũng biết thế. Nhưng ông Đình-gia-Trinh có đọc sách của Lagévin, của Bergson, và của Einstein; về Einstein không nhĩ. Tôi có cần phải viện ra đây những bài của nhà khoa học trứ danh đó (Einstein) viết cho độc giả báo Times về ý nghĩa thuyết tương đối, hay những bài diễn văn đã chạy quanh hoàn cầu của người?

Vả lại, chúng tôi nào có dám nói đến Toán học Einstein. Chúng tôi chỉ cố gắng tìm ý nghĩa, và ảnh hưởng triết-học của những điều phát minh như Einstein mới có mà thôi. (Công việc đó, — mách thăm ông Đình-gia-Trinh, có khi nhà khoa học hẹp hòi không làm nổi đấy). Không những thế, chúng tôi nào có hy vọng gì tìm thấy đúng triết-đề ý nghĩa triết-học của thuyết tương đối. Đường đột trình bày quan niệm của mình, chỉ vì mong mỗi được nghe thứ giả dạy lại đó thôi.

Phong trào sách biên dịch trong văn chương Việt-nam ngày nay còn hỗn độn. Điều đó ai cũng biết. Nhưng sự hỗn độn đó không

phải dấu hiệu đáng lo, mà chỉ là lẽ tự nhiên. Nó biểu dương cái sức sống mạnh mẽ của thi nhân và văn chương Việt-nam vậy.

Trong lúc còn chưa phân biệt phân sự nhà cầm bút, thứ nhất phân sự nhà phê bình, và cần rộng lượng, và thận trọng. Thận trọng mới biết phân biệt, rộng lượng mới biết nâng đỡ. Cũng có khi cần ác nghiệt, nhưng ác nghiệt cho đúng đường.

Vả lại chỉ những nhà phê-bình chân chính mới có ảnh hưởng đến kẻ cầm bút. Một nhà phê-bình sai lầm, hãy non nớt, chỉ làm hại cho nhà phê-bình.

Khi đọc ông Đình-gia-Trinh, và nghĩ đến những bình giả lớp trước, tôi buồn rằng nhà nghĩ không biết, mười năm trời nay, văn chương phê-bình Việt-nam có thật tiến được một bước dài không? (1)

NGUYỄN ĐÌNH-TRINH

(1) Suu bài này, tôi xin miễn tranh biện. Không phải vì tôi trốn tránh, nhưng vì tôi không, hay nhiều lời. Cục chẳng đã mà phải dài bày, tự cũng biết đã mang tội rất nhiều với bạn đọc. Chỉ xin từ nay lặng lẽ làm việc cho mỗi ngày một sáng đáng lòng yêu của bạn đọc hơn.

ĐÓN CỎI SỔ SAU 133 ĐẶC SAN VỀ:

THI CA VIỆT NAM

(Tập thứ nhất)

- Ưng hộc Nguyễn văn Tố sẽ trình bày một bài khảo cứu rất công phu về thơ vịnh sử đời Hồng Đức.
- Hoa Bằng sẽ nói về lịch trình tiến hóa của thi ca qua các thời đại...
- Tiên Đàm sẽ giới thiệu những bài thơ rất đặc sắc trong tập thơ Thảo Trang.
- Phạm mạnh Phan sẽ trình bày một cuộc chứng cầu ý kiến trong làng văn về: Các câu thơ nói hay.
- Lê Thanh sẽ phỏng vấn thi sĩ Á Nam Trần Tuấn Khải và nhiều bài đặc sắc khác của các văn nhân: Kiều thanh Quế, Tùng Vân, Bạch Diệp, Nhật Nham, v. v...

Gốc-tích thành Huế (Tiếp theo trang 5)

Bộ Đại-Nam nhất thống chí chưa rằng: « Tây-quyền chính là Quảng bình bây giờ (nhưng ông L. Arousseau, Bull. E. F. E. O., quyển XIV, số 9, trang 28, cho Tây-quyền là ngay cạnh thành Huế). Tị-cảnh chính là Thừa-thiên và Quảng trị (nhưng ông G. Maspero, *Le royaume de Champa*, trang 83, cho Tị-cảnh là Quảng-bình bây giờ). Châu-ngô chính là Thừa-thiên và phủ Điện-bàn tỉnh Quảng-nam bây giờ. Lư-dung chính là phủ Thăng-bình tỉnh Quảng-nam và tỉnh Quảng-ngãi bây giờ. Tượng-lâm chính là Bình-dịnh Phú-yên bây giờ. Vậy thì Tị-cảnh và Châu-ngô đời Hán, là châu Ô, châu Lý của Chiêm-thành; đời Trần là Thuận-hóa, mà Điện-bàn thuộc Hóa-châu » (dịch ở Đại-Nam nhất thống-chí, quyển Thừa-thiên, tờ 3 a-b, sách in năm 1909).

« Đến năm Đại-nghiệp thứ nhất (605) nhà Tùy, Lưu-phương dẹp Lâm-ấp, lấy đất ấy đặt tên là Đặng-châu, rồi đổi ra quận Tị-cảnh, coi bốn huyện: Tị-cảnh, Châu-ngô, Thọ-linh và Tây-quyền. Cuối đời Tùy lại mất về Lâm-ấp;

« Năm Trinh-quán thứ hai (628) nhà Đường lấy quận Tị-cảnh đặt ra bảy châu, lại đổi tên là châu Nam-cảnh, rồi lại đổi là châu Cảnh, coi ba huyện: Tị-cảnh, Châu-ngô và Do-văn, quận-trị ở cõi nam châu Hoan (dịch ở Đại-Nam nhất thống-chí, quyển Thừa-thiên, tờ 4 b-5 a).

Theo sách Tàu và bài khảo-cứ của ông L. Arousseau (Bull. E. F. E. O., quyển XIV, số 9, trang 23). thì Tây-quyền có thành tên là Khu-

ẩn Thủy-kinh chủ, viết là Khu-lật, chứ không viết là Khu-túc: chữ lật với chữ túc chỉ sai nhau có hai nét).

Thủy-kinh chủ chép thành Khu-túc như sau này: « Sông Lư-dung chảy ra phía tây-nam huyện Lư-dung (thuộc quận Nhật-nam), tức là chỗ núi cao ở phía nam thành Khu-túc. . .) phía đông cùng với nước sông Thọ-linh chảy ra địa-giới huyện Thọ-linh. Năm Chính-thủy thứ chín (248 sau T.-C.) nhà Ngụy, Lâm-ấp xâm-lấn đến huyện Thọ-linh, lấy huyện ấy làm bờ cõi. Phía đông huyện đi tắt ra phía nam thành cũ Khu-túc. Xét Cờ-chỉ đều không thấy chỗ nào chép tên thành Khu-túc. Quyển Địa lý phong-tục ký của Ung-Thiệu chép rằng: « Nhật-nam xưa là Tượng-quận đời Tần. Năm Nguyên-dĩnh thứ sáu (111 trước T.-C.) Hán Vũ-đế đặt quận Nhật-nam, quận-trị ở huyện Tây-quyền. Lâm-ấp ký chép rằng: Thành Khu-túc cách Lâm-ấp hơn 400 dặm. Giao-châu ngoại-vực ký chép từ quận Nhật-nam đi về phía nam đến nước Lâm-ấp hơn 400 dặm. Vậy thì thành ấy là thành cũ của huyện Tây-quyền. Lâm-ấp ký chép rằng: Thành ấy ở giữa hai con sông, ba bề giáp núi, phía nam, phía bắc gần kề xuống nước, phía đông phía tây có khe nước chảy ở dưới thành. Phía tây thành, bề ra mười góc, chu-vi 6 lý 170 bộ, phía đông phía tây đo được 650 bộ. Thành gạch 2 trượng, trên xây tường gạch một trượng, mở lỗ hồng vuông, trên gạch lát ván, trên ván cỏ 5 tầng gác, trên gác làm nhà, trên nhà có lầu, lầu nào cao thì 7, 8 trượng, lầu nào thấp thì 5, 6 trượng. Thành mở 13 cửa. Phạm

cung điện đều hướng nam. Nóc nhà đến hơn 2100 gian. Người ở và họp chợ khắp cả xung quanh. Lỗm-chỗm gập-ghenh, là một nơi đất hiểm; cho nên những binh-khi chiến-cụ của Lâm-ấp đều hết cả ở thành Khu-túc. Từ vua Lâm-ấp là Phạm-hồ-Đạt (Bhadra-varman I) mới bắt đầu xây nhiều thành-lũy. Sau đời Tần đời Hán đến đây, nhiễm thói rợ, phong-tục cũ của Nhật-nam biến đổi hết cả. » (dịch ở Thủy-kinh chủ, sách in của Trường Bặc-cổ, số 2067, quyển 16, tờ 18 a-19 a; ông L. Arousseau đã dịch ra chữ Pháp trong Bull. E. F. E. O., XIV, 9, trang 11).

Năm 1927-1928 trường Bặc-cổ có đào thấy vết tích thành Khu-túc ở làng Trà-kiệu thuộc tỉnh Quảng-nam bây giờ (J. Y. Claeys, *Fouilles de Trà-kiệu*, đăng trong Bull. E. F. E. O., quyển XXVII-XXVIII): như thế thì quận-trị quận Nhật-nam chính là cạnh thành Huế, chứ không phải ở Quảng-bình, như lời chép trong Đại-Nam nhất thống chí.

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

學醫東亞

Muốn nghiên-cứ khoa thuốc á-đông, nên mua ngay:

Sách thuốc Việt-Nam.	3 \$ 50
Tinh các vị thuốc.	3 00
Khoa thuốc xử nóng.	2 00
Khoa chữa phôi.	1 00
Khoa chữa mắt.	1 00
Khoa chữa tre con.	0 80
Ngoại khoa.	1 00
Sinh lý học.	1 00
Cước quyền lớn	0 \$ 69, nhỏ 0 \$ 30.

Hỏi: M. Nguyễn-xuân-Dương
Lạc long 22 Tientain Hanoi.

Khái-luận và Phê-bình Thi-ca cũ

Văn-chương Quân-sự

« **Hịch Tướng sĩ** » văn », một bài thuyết-minh cho lý-trí, hay là những huyết-lệ ngấm-ngấm. — « **Bình-Ngô Đại-cáo** » một thiên anh-hùng-ca bằng ánh-sáng. — Văn tế, những anh-hùng-ca dễ khóc, anh-hùng, không phải dễ tán anh-hùng. — Lối văn biến-ngẫu trong thơ Việt và những đối-ngẫu trong thơ Hugo. — Những dịp, gõ vào tâm linh người đọc. — Những câu thơ rắn-chắc như thiết, thạch.

của HOÀNG-THIỆN-SƠN

Tôi muốn gọi bằng cái danh « *văn-chương quân sự* » những loại hịch-cáo và có lẽ một ít văn-tế nữa vì mấy bài văn-tế hay nhất còn lưu-truyền phần nhiều là những bài đã dùng đề tế các chiến-sĩ tử-trận. (1)

Hịch văn của Âu Tây, có vẻ rắn-rỏi, mạnh-mẽ, nhưng nó chỉ có giá-trị nhất thời vì thể lối hùng-biến quân-sự chỉ có một địa vị rất thấp nhỏ trong văn chương Âu Tây. Trái lại một bài hịch của Hưng-Đạo vương, một bài *Bình-Ngô đại-cáo* thật là những cây đại-thụ trong rừng thi-ca Nam-Việt.

Hịch văn của Âu Tây vẫn-tất quá vẫn tất như những lệnh truyền không khích-thích đến tình-cảm. Trái lại một bài hịch của Trần-Hưng-Đạo thật là một áng văn đã thuyết minh cho ta một điều chân-lý, buộc ta phải tin theo chân-lý ấy với một luận-diệu chặt chẽ, lại cảm-kích chúng ta một cách thâm trầm và chắc-chắn.

Bài hịch này không « rỗng rả

như tiếng kèn đồng rập rình như tiếng trống trận » không « *thư thập nhân-tâm trong giây phút, kích thích huyết khí như điện truyền* » (2), bài hịch này buộc ta phải suy nhiều, hơn bất ta phải cảm. Hưng-Đạo vương đã chinh-phục lý-trí ba quân hơn kích-thích tình cảm của họ.

Cái đau lòng của Vương, Vương rất ít bộc-lộ, nhưng qua những hình ảnh đơn-giản, qua những luận-diệu hình như nhẹ-nhàng, qua cái hùng-biến không bông-bọt, không sôi nổi, ba quân đã cảm thấy Vương cố nén lòng đau thương không bờ-bến. Hịch này tác-giả viết nên với phong-thái điềm-dạm của một nhà nho ra cầm quân, để dành riêng cho những người điềm-dạm biết suy-nghĩ, âu lo đến điều quốc-sĩ hơn là cho những kẻ chỉ biết đi theo sự xô đẩy của cảm tình. Vương đã biết hòa hợp tâm và trí một cách tuyệt-diệu. Nhưng bao giờ Vương cũng đặt trí trên tâm như

một người Việt-Nam biết tự trọng.

Nếu bài hịch của Hưng-Đạo vương đầy huyết-lệ ngấm-ngấm thì bài cáo Bình-Ngô của Nguyễn-Trãi đầy vẻ nhẹ nhàng, vui-sướng. Nếu Hưng-Đạo vương là người đã dùng trí để suy đến những điều danh dự ở buổi tương lai thì Nguyễn-Trãi là kẻ đã dùng tâm để hưởng-lấy những phút vinh-quang của thời dĩ-vãng. Tuy nhiên đôi bên đều một-mỗi cảm-hồn, một-mỗi đau đớn. Khi nghĩ đến quân thù.

Bài hịch tướng sĩ vì thế trang-trọng, vững-trãi, cổ-kính, bất-diệt; trái lại bài cáo Bình-Ngô khi lên bổng, khi xuống trầm, hùng-biến một lối lãng-mạn lại được màu bí-trạng của một thiên anh-hùng-ca. Thật thế đó là tất cả thiên anh-hùng-ca của vua Lê Thái-Tổ :

Múa đầu gậy, ngọn cờ phất phới,
Ngóng văn nghệ bốn cõi đất hồ.

Mở liếp quần, chén rượu ngọt ngào,

Khắp tướng sĩ, một lòng phụ tử.

.....

Trận Bồ đặng sấm vang sét dậy
Miền Trà lân trúc phá tro bay.

.....

Dưới Ninh - Kiều máu chảy thành-sông

Bến Tuy-động xác đầy ngoài nội.

.....

Sĩ tốt ra oai ti-hồ

Thần thú đủ mặt trảo nha.

Guom mài đá, đá núi cũng mòn

Voi uống nước, nước sông cũng cạn.

Đánh một trận sạch không kình ngạc

Đánh hai trận tan tác chim muông

Con giời ta trút sạch lá khô

Thò kiếm không sụt toang dè cũ,

Thôi Tự phải quý mà xin lỗi

Hoàng Phúc lạy trời dè ra hàng.

Lạng Giang, Lạng Sơn thấy chất đầy đường

Xương giáng, Bình than, máu trôi đỏ nước.

Gươm ghê thay ! sắc phong vân cũng đổi

Thấm đẫm thay ! sáng nhật nguyệt, phải mờ.

.....

Suối máu Lân Câu nước sông rền rĩ

Thành xương Đan xá, cỏ nội đầm đìa.

Hỡi văn phi hường hùng tráng, nhưng qua lời thơ mạnh mẽ ta vẫn thấy thi nhân trấn-tĩnh tự chủ tâm mình một cách vững-vàng. Cho nên không hề thấy những tiếng than,

trợ lực và giả dối như trong các anh hùng ca lãng mạn. Trong cái vui hưởng được sau bao điều đau khổ, vẫn phảng-phất một tí buồn điếm đạm và căm đội g của kẻ không bạc bẽo với dĩ vãng để tận-hưởng lấy hiện tại.

Giang sơn từ đây mở mặt
Xã-tắc từ đây vững nền

Nhật nguyệt hội mà lại minh
Cận khốn bĩ mà lại thái.

Nền vạn thế xây nên chấn chấn,

Thẹn nghìn thu rửa sạch lau lau.

Trên « suối máu » « thành xương » âm đạm, mặt trời đã mọc rực rỡ và loát lên bản khái ca bằng ánh sáng.

Vẫy vùng một mảnh nhung-g
nên công đại định

Phẳng lặng bốn bề thái vũ mở hội vĩnh thanh

Khác nào một vị anh hùng chiến thắng sau bao điều đau đớn khi ôn lại vũ công oanh liệt của mình, giữa tiệc khao quân, mùa kiếm ngâm lên bài thơ cảm khái.

Trên kia tôi đã hứa sẽ liệt một ít văn tế vào loại văn-chương quân sự. Các văn-tế của chúng ta còn lưu-truyền đều là những thiên hùng tráng ca đề kiêu những kẻ vì nước bỏ mình. Với lời văn hùng kiện mà bi-thiết, với ý tượng tôn thần cao-thượng, văn tế có lẽ là những thiên hùng tráng ca lâm-lý hơn hết của nền văn học này. Khác với người Âu, hùng tráng ca của chúng ta dùng đề khóc anh hùng không phải đề tán anh-hùng.

Ngoài mười năm sự nghiệp bết đường nao, doanh lũng đã bóng chốc sao sa, thụ linh-

phách với chớp công tráng sĩ. (3)

.....

Guom linh bảo mười năm sẵn cỏ, đặng anh-hùng mấy gió mãi chưa thổi;

Đặng hùng tráng một phút như không, tạo hóa ghét ghen chỉ lăm thế? (3)

Hai bài văn hay nhất là Văn tế Trận Vong Tướng Sĩ của Nguyễn văn Thành và văn tế Vũ Tinh, Ngô tông Chu của Đặng dực Sĩ.

Nếu bài sau có vẻ trang-trọng âm thầm, thì bài trước thật là mạnh mẽ tha thiết. Bài sau, là cái đan vòt không bột-phát, không nức nở của một vị đế-vương khóc kẻ « thân-huân » đã « thung dung tư-nghĩa » không uổng, không kèn. Bài trước là lời than bi-tráng của viên chủ tướng tử nhưng quân « phụ tử », đã hàng hai lần minh nơi « đạn lạc lên bay » xem thấy nhẹ tựa « nằm lòng hồng son » trông kẻ « anh hùng chẳng quách, trảm trận một trường oanh liệt cái sinh không, cái tử cũng là không ».

Nhưng ở cả hai bài cũng như ở tất cả các bài văn tế Việt Nam đều một chí ái-quốc trung-quân là cái ý chính, cái đầu đề, cái nguồn cảm-búng đã chi-phối cả rừng văn Nam Việt.

1) Những loại này cũng phải theo những luật bố-buộc, lại có vần, có điệu, đáng liệt vào hàng thi ca hơn hàng văn.

(2) Phạm Quỳnh bàn về diễn thuyết - Nam Phong số 46.

(3) Phan Huy Ích « Văn Tế Tướng Sĩ làm tháng bảy » trích Văn Đàn Bảo giám của Trần Trừng Viên quyển 1 trang 263.

Ngoài ra, những văn tế đều đượm một vẻ thần-bí riêng làm cho cái buồn đã bao-la lại thêm man-mác. Đó là vẻ thần-bí của đạo Phật với « ngọn cỏ rúc nguyệt » với « hip trống đồn hoa » với « huyền diệu thưng trầm » với « tiếng hiệu lệnh mơ màng trước gió » với « bóng tinh-trung thấp thoáng dưới đèn ». Qua bài văn tế Vũ Tinh ta há không mơ màng đến cái không-khí lạ-lùng khi bóng ma Quan-Vân-Trường thấp thoáng gọi cửa nhà Phật đòi lại thủ cấp ? Qua bài văn tế Trần vong tướng sĩ, ta há không tưởng tượng đến những vong-hồn bay thấp thoáng với ngọn lửa chơi lập lèo « soi chừng cỏ độ ». Trong ngọn gió lốc mịt mù « thổi dấu tha hương » ?

Các áng văn tôi vừa kể trên trên các loại thơ lại dùng nhiều lối văn biên-ngẫu là lối văn mà nhà thơ mới Lưu Trọng Lư đã lên án rằng : « đối đáp chẳng qua con chó đi ra, con mèo đi vào ». (4)

Lối biên-ngẫu của thi ca Việt có tính cách và công dụng như những đối ngẫu (antitheses) của Victor Hugo trong thơ hùng-tráng. Nó làm cho hơi văn mạnh mẽ và nhất là lời văn bị dát phi-thường với những hình-ảnh tương phản một cách bất ngờ.

Cho hay sinh là ký, mà tử là qui
Mới biết mệnh ấy yêu, mà danh
ấy thọ (5)

Sửa mũi áo lay về Bắc khuyết,
ngọn quang minh lun
mặt tâm trung can;
Chỉ non sông giả với cỏ thành,

chén tân-khổ nhấp ngon
mùi chính khí. (6)

Kể thời chen chân ngựa, muốn
giật cò trong trận, xót lẽ gan
vàng mà mệnh bạc, nằm lòng
hồng theo đạn lạc tên bay;

Kể thời bắt mũi thuyền, toan
cướp giáo giữa giòng,
thương thay phép trọng đề
thần khinh, phong da ngựa
mặc bèo trôi sóng vỗ (5)

Những vẻ đối đáp trong văn biên-ngẫu chọi nhau san-sát, âm-hưởng dội thấu tâm linh người đọc. Khác nào những nhịp gõ vào hồn chúng ta, vào tim chúng ta. Khác nào nhịp thúc não-nùng của Cao-tiêm-Ly trên sông Dịch Thủy :

Ôi ! Cùng lòng trung-nghĩa,
khác số đoản tu,
Nửa cuộc công-danh, chia vòong
kim-cổ. (5)

Đã biết rằng anh hùng thì
chẳng quản, trăm trận một
trường oanh-liệt, cái sinh
không cái tử cũng là không.

Nhưng liếc cho tạo hóa khéo vò
tình, ngàn năm một hội
tao-phùng, phận thủy có,
phận chung sao chẳng có. (5)

Trong mỹ-từ-học, lối biên-ngẫu lại là một phương-pháp để làm cho lời thơ hùng-biến. Những vẻ trên, vẻ dưới là những luận-diệu mà phép đối buộc thi-nhân phải đồn-đáp lại để làm cho hai câu thơ hàm súc, rắn chắc như thiết-thạch. Nhờ lối biên-ngẫu, loại thơ hùng-biến của ta nhiều bài lý-luận chặt-chẽ rõ ràng như hai lần hai là bốn, không ai có thể cãi vào đâu được. Hịch Tướng-Sĩ Văn của Hưng-

Đạo vương — như trên kia, tôi đã nói — là một bài lý-luận rạch ròi.

Những bịch nôm, nhiều bài-viện dẫn những lý-lẽ dẫn-dị, tầm-thường một cách không ngờ mà buộc ta phải tin theo, không tài nào cưỡng nổi :

Nhờ lộc nước phải lo việc nước,
rắp phen Trương-tử trả ơn Hàn,
Ăn cơm vua đành báo nghĩa
vua, nỡ để tào man dòm vạc
Hán (7)

Đấng văn tôn, văn tử, thù cha,
ông chi đề đội trời; người
vương-thổ, vương-dân, lòng
trung-nghĩa phải loan giúp
nước,

Cấy lúa há dung má khác; ăn
trái nhớ kẻ trồng cây (8)

Những phú, văn tế, hịch, cáo nhờ lối văn biên-ngẫu, hơi văn lắm nơi thật dài, thật cao, hái vẻ chạy song song, trang-trọng, rắn-chắc, cổ vẻ bất-diệt, tráng-lệ như câu thơ mười hai tiếng ngắt hơi sau tiếng thứ sáu của trường thi cổ — kinh-Pháp (9) như những đền-dài Hy Lạp, những Parthénon chỉ xây theo lối kiến-trúc ngang bằng, sỗ ngay vĩ-đại.

HOÀNG-THIỀU-SƠN

(4) do Hoài Thanh và Hoài Chân trích trong *Thi-nhân Việt Nam*.

(5) Nguyễn văn Thành « Văn Tế Trần Vong Tướng Sĩ ».

(6) Đặng-đức-Siêu « Văn Tế Vũ Tinh và Ngô-Tông-Chu ».

(7) Hịch Nguyễn-hữu-Chính dấy binh phá Trịnh, tống Lê (Vấn Đầu Bảo giám quyển 1 trang 265.)

(8) Hịch Lê-duy-Mật khởi nghĩa diệt Trịnh, phủ Lê (Vấn Đầu Bảo giám quyển 1 trang 265.)

(9) alexandrin classique.

Bản sách dẫn về Đại-Nam Liệt truyện

Số 16

Thọ-Xuân, LÊ-VĂN-PHÚC

TÊN HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ QUÁN	Tập (1)	Quyển	Trang	NÓC HỒ
LIÊU 料 Nguyễn-thị		Vinh long	N	44	2b	
LIÊU 廖 Nguyễn-văn		Vinh long, Vinh bình	S	15	3b	nay là vùng Long; hồ, Chợ lách
LIÊU 柳 Nguyễn-văn		Bình thuận, An phước	S	29	3a	
LINH 苓 Lê văn		Gia định, Linh dương	S	15	9b	
LINH 靈 Phóng thiên sư	viên L. B. g.	Bình định, Phú cát	N	43	6a	
LOAN 鸞 Nguyễn-văn		Gia định, Bình dương	S	17	4a	
LOAN 鸞 Trương-phúc		Thanh hóa, Qai huyện	T	6	4a	
LONG 龍 Đinh văn		Không biết	S	16	5b	từ trận tại Ra rai (Mỹ tho)
LÔNG 龍 Nguyễn		Không biết	S	17	1b	từ trận tại Ba thóc (Sông trang)
LONG 龍 Nguyễn-phước	viết tắt là Ng. Long	Bình định, Đồng xuân	S	14	3b	nay thuộc Phú yên
LONG 龍 Nguyễn-thắng		Thừa thiên	T	4	4b	của Nguyễn-dương Lân
LONG 龍 Trần-dương		Quảng nam, Đông phước	S	17	7a	
LỘ 路 Lê chánh		Quảng bình, Phong đăng	S	19	14a	
LỘC 祿 Đoàn-văn		An giang, Đông xuân	N	14	1b	nay là vùng Cái vùng (Châu đốc)
LỘC 祿 Hà-văn		Vinh long, Tân minh	S	15	10a	nay là cũ lao Minh (Bến tre)
LỘC 祿 Hùng (không biết họ)	viết tắt là Ng. Long	Không biết	T	4	22b	trần Phú yên
LỘC 祿 Nguyễn		Gia định, Bình dương	N	40	6a	nay là vùng Sài-gòn
LỘC 祿 Nguyễn-linh		Thừa thiên, Hương trà	N	40	10a	
LỘC 祿 Nguyễn-văn		Thừa thiên, Phú vang	S	9	10a	
LỢI 利 Huỳnh-phước		Thừa thiên, Phong điền	N	49	11a	cũng được viết
LỢI 利 Huỳnh-lân		Quảng liên, Phong lộc	S	15	20a	
LỢI 利 Lê-văn		Không biết	S	17	4b	từ trận tại Ra rai (Mỹ tho)
LỢI 利 Nguyễn-văn		Định dương, Kien Lôi	S	13	25	nay là thuy gạo (Mỹ tho)
LỢI 利 Nguyễn-văn	ty Tư ghĩa	Quảng nam, Lê dương	N	36	28b	
LUẬT 律 Trần-dại		Vinh long	S	16	6b	
LUẬT 律 Trương-phước		Gia định	S	43	17	
LUNG 龍 Huỳnh		Elia định	T	6	47	
LŨ 呂 Võ	ty Tư ghĩa	Quảng nam, Lê dương	N	29	4a	
LƯƠNG 良 Đào-văn		Bình định, Phú cát	S	45	12a	
LUONG 龍 Nguyễn-văn		Bắc ninh, Lý ngọc	S	19	7a	
LUONG 良 Tôn thất		Hải	N	11	8	
LUONG THANH Tôn thất	ty Duy-ninh	Hải	N	11	20b	
LUONG 良 Võ-văn		Quảng nghĩa, hương ngai	S	16	24b	
LUONG 龍 Đặng-văn		Định dương, Kien Lôi	S	5	6a	nay là thuy gạo (Mỹ tho)
LUONG 亮 Lưu	ty Di-hầu	Quảng bình, Bồ trạch	N	32	49b	
LUONG 量 Nghiêm xuân	ty B. hực	Hà nội, Từ liêm	N	37	12b	
LUONG 諒 Nguyễn-lân		Gia định, Linh dương	S	15	24a	nay là vùng Sài-gòn
LUONG 亮 Nguyễn		Bắc ninh, Gia lã	S	18	12a	
LUONG 龍 Phạm-hi	ty H. thục	Hải nội, Thọ xương	N	38	25b	
LUONG 諒 Võ-nguyên		Nghệ an, Đông thành	S	13	8b	
LUONG 龍 Võ-văn		Gia định, Tân hực	S	16	1b	nay là vùng Sài-gòn
LUU 累 Đoàn-thị		Hưng yên	N	44	7b	
LUU 劉 Phạm-văn		Gia định, Tân bình	N	40	3b	nay là vùng Sài-gòn
LUU 劉 Võ-thị		Hải dương, Gia lộc	N	44	3a	

(1) T: Tiền-biên, S: Sơ-tập, N: Nối tiếp.

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHẠY CUNG CHUÔNG VỎ

Số 17

CHU-THIÊN

Trước kia, khi công-tử mới đến, thỉnh-thoảng nàng mới đến thăm. Nay được lệnh cha, ngày nào nàng cũng sang lầu Nghinh-phong, có khi không bận việc gì, nàng ở lên đấy suốt cả ngày. Người đàn bà, nhất là người đàn bà đẹp, là một bà tiên đủ phép mầu-nhiệm để hàn rịt những vết thương lòng. Con người ta không thể mang ưu sầu mãi mãi! Cái ưu sầu cứ ở trong mình mãi mãi không buông tha, tức là đưa mình về nơi chết. Cho nên cái nỗi buồn rầu đau-dớn cũng có thời hạn thôi. Thời gian đã dần dần xóa bớt được ưu tư

ở trong lòng, lại được mỹ-nhân luôn luôn bên cạnh, bàn bạc mọi việc rất tinh-tưởng. thì con người tất nhiên phải dần dần bớt bỏ được sầu mà làm bạn với sự vui. Nhất là như đối với công-tử Đoàn Văn lúc này, Kim Vân công chúa lại là người quen cũ, và một kỷ nữ, tài mạo kiêm toàn. Tình tình ngay thẳng rất thông hiểu mọi việc ở đời, thì bảo chàng không đời sầu làm vui sao được.

Chàng vui dần và cũng dần thân-mật với Kim-Vân. Là không-khí vui vẻ tràn đến đây đây cả lầu Nghinh-phong. Công-tử Thịnh-Nguyên và Kim-Vân công chúa, đều vui mừng thấy công-tử Đoàn Văn vui vẻ hoạt bát và khỏe mạnh vượt hẳn lên. Công-tử Thịnh-Nguyên thân mật khen Kim-Vân công chúa:

— Chà thật là một bà tiên cứu nhân độ thế. Bà tiên xuống lầu có mấy hôm mà Đoàn công-tử vui hẳn lên.

Kim-Vân sông chúa cũng kỳ-lam thích chí, nhưng cố ra vẻ đứng dưng đáp lại:

— Dạ, đấy là lâu ngày dần-dần công-tử tạm khuây đi chứ. Em đây phải chịu ơn hai công-tử chỉ bảo nhiều điều lợi ích, có đâu dám nhận ơn.

Rồi mấy ngày qua, Kim-Vân công-chúa không hay sang lầu nữa. Trong lầu lại mất vẻ vui tươi bằng bột của những ngày qua.

Công-tử Đoàn-Văn lại lý lý ít nói, khiến công-tử Thịnh-Nguyên cũng phải lầy mà hăm bớt mồm miệng lại. Rồi mỗi lần nàng sang lầu là y như nàng có phép thuật gì mang gieo rắc cả sự tươi cười hoạt bát đến, để cho lúc nàng về, hai chàng lại lẳng-lặng ngồi lý mà mong đợi, tuy mỗi chàng mong đợi trong mỗi ý tưởng khác nhau.

Rồi bằng đi một, hai, ba hôm, Kim-Vân công-chúa không sang chơi bên lầu nữa. Công-tử Đoàn-Văn trước còn lý lý, sau lại trở nên buồn rười rượi, nhưng không phải cái buồn đau xót hóm hờm xưa nữa. Đây là cái buồn băng-khuảng mong nhớ, cái buồn của một chàng trai trẻ cảm thấy trống tâm hồn mình thiếu thốn một thứ gì, mà chính tự mình cũng không dám thú nhận với mình. Công-tử Thịnh-Nguyên cố lẽ cũng biết vậy, nên cố tìm lời khuyên giải và nói khích chàng, nhưng chờ ngày một ngày hai, vẫn không thấy Kim-Vân công-chúa sang chơi. Biết khó lòng mà làm chuyển được lòng chàng, công-tử Thịnh-Nguyên liền rủ chàng đi chơi miền rừng núi, mong quay ra cảnh thiên-nhiên gợi cho chàng thêm vui. Đoàn công-tử đang lúc nghĩ vơ-vẩn, buồn thiu-thiu, liền vui theo Thịnh-Nguyên đi chơi.

(còn nữa)
CHU-THIÊN

Đã có bán về dịp Tết:

NỬA ĐÊM

Truyện thôn-quê

của Nam-Cao giá 2\$00

Nam Cao là một nhà văn chuyên tả phong-tục thôn quê Việt Nam, với một ngòi bút thanh thoát. Về các bạn muốn hiểu người dân quê Việt Nam một cách sâu-sắc, nếu các bạn muốn có những kiến thức rất thực về thôn-quê Việt-Nam; nói tóm lại, nếu các bạn muốn hiểu đông bào một cách chu đáo, các bạn đều nên có cuốn *Nửa đêm của Nam-Cao*.

VUI XUÂN

Tức Hoa Mai số Tết

của Ngô-Hòa giá 0\$30

Phách bướm hôn hoa

Tức Hoa Mai số Mùa Xuân

của Thế-Hưng giá 0\$30

Nhà xuất-bản Cộng-Lực

N° 9 Rue Takou - Hanoi

BIA VĂN MIẾU...

(Tiếp theo trang 4)

đôi, huyện Võ giăng (bia kê ác là Võ giăng, *Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 44 b, viết là Vũ-ninh), phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Năm 21 tuổi, thi hương đỗ giải nguyên (thủ-khoa), thi hội đỗ hội nguyên, đến thi đình đỗ bảng-nhôn. Cùng anh họ là Nguyễn-đạo-Điền, Nguyễn-cung-Thuận, và em ruột là Nguyễn-Kính cùng đỗ khoa binh-thin 1496, tức là xưa nay ít có. Làm quan đến Lễ-bộ thượng-thư, tằng làm Thái-bảo. Là con Nguyễn-nhân-Thiếp, đỗ tam-giáp năm 1466, cháu Nguyễn-xung-Xác, đỗ tam-giáp năm 1469, Nguyễn-nhân-Dư, đỗ tam-giáp 1472, Nguyễn-nhân-Dịch đỗ tam-giáp năm 1475, Nguyễn-nhân-Bị, đỗ tam-giáp năm 1466 và 1492. Cha con, bác cháu, anh em cùng làm quan một triều. Là anh họ Nguyễn-hoảng-Khoản,

đỗ tam-giáp năm 1490, em họ Nguyễn-dũng-Vĩnh đỗ nhị-giáp năm 1493. Là bác Nguyễn-đức-Lượng, đỗ tam-giáp năm 1556 *Đặng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 5 a-b).

3. — Đệ nhất giáp tiến-sĩ cập-đề đệ tam danh (thâm hoa) Đinh-Lưu người xã An-dại, huyện Thanh-lâm, tỉnh Hải-dương. Đỗ năm 18 tuổi. Làm quan đến Đông-các đại-học-sĩ. Ông sở-trưởng võ-nghệ, được vua rất thân-yêu. Hay đá cầu: vua thường sai ông ra đầu thuyền ngự đá cầu; ông xin mỗi lần đá là một tuổi để chúc thánh-thọ, thường đá được vài trăm cái mà không rơi xuống: vua rất đẹp lòng, thưởng cho 300 mẫu ruộng ở châu Vũ-nhai (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương tờ 61 a). (Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

Giới thiệu

Tri Tân vì a nhĩn được

1.) Là *Đặng khoa bị khảo* của Ng công Hoàn Đrì mới xuất bản Giá 2 \$ 50

2.) *Trang Quốc sử lược* của Phan Khonng — Mai Lĩnh xuất bản giá 6 \$ 00

3.) *Lược khảo thơ Trung q. bô* của Doãn kế Thiệu — Mai Lĩnh xuất bản giá 1 \$ 50

Xin cảm ơn nhà xuất bản và giới thiệu cùng các bạn đọc

T. T.

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

Sách của

Nhật-Nham TRỊNH-NHƯ-TÀU

I — Đã xuất-bản :

A) Đã được Hội-Đồng duyệt sách cho dùng trong các Học-Đường Đông Pháp :

1) *Trịnh-gia Chính Phả* (in lần thứ hai) hết

2) *Hưng yên địa chí* —

3) *Gương Luân-Lý* —

4) *Bắc-giang địa-chí* dày 284

trang, có bản đồ phụ đính

Giá cũ 1 \$ 50

B) 5) *Vị tiền* hết

6) *Hoa xưa ong cũ*

Giá cũ 0 \$ 30

7) *Từ Hanoi đến Hồ Ba Bể* (du ký)

2 \$ 00

« Hồ này từ đời Lê, đời Mạc tới nay, có bao nhiêu anh-hùng lưu dấu vết, có bao nhiêu danh-sĩ đăng-lâm, mà có du-ký như ông nay mới thấy « là một ! Ông chẳng những chép phong cảnh và « lịch-sử Ba Bể, mà lại kể cả cuộc-hành-trình « đi đến đầu cũng để mắt quan-sát : nào là nhân, « tình phong tục, nào là công việc mở mang của « đời xưa và hiện thời, thực có ích cho nhà khảo-« cứu, có thể làm kim chỉ nam dẫn lối cho nhà « du lịch sau này. »

« *Du ký này có giá-trị lắm thay !* »

Triệu bài tựa của cụ Phó-bà Nguyễn-cao Mộng

II — sắp xuất-bản :

Uyển-mã từ-Bình ; — Ngàn Treo Đanh (huyện Bình Sơn) ; — Bắc-ninh địa-chí.

Xin viết thư cho :

Ngày-nam Trịnh-như-Tàu, Tham-lá phủ Thống-sứ Bắc-kỳ hay Biên-tập-viên Tạp-chí Tri-Tân 95-97 Rue Chancéauine Hanoi

MỘT BỘ SÁCH :

Cổ nhất Đông-Phương !

lạ nhất nhân-loại !

Nguyên gốc chỉ là một cái gạch ngang, rồi qua tay 4 vị Thánh nhân, cái gạch ngang kỳ diệu thành một pho sách cực kỳ hùng vĩ. Đó là bộ :

KINH DỊCH

mà người Việt-nam ta có lẽ không mấy người là không nghe thấy tên, nhưng chắc ít người biết rõ nội dung ra sao.

KINH DỊCH

là một bộ sách đã xuất-hiện trên một vạn năm, mà mấy trăm học-giả phương Đông theo gót nhau nghiên-cứu và chú-gải đến hai nghìn năm nay vẫn chưa hết nghĩa.

KINH DỊCH

thật là một pho sách uyên-thâm, huyền-diện, bao quát tại en các lẽ trong vũ-trụ.

Các bài thơ và kinh có in nguyên văn chữ Hán

Toàn bộ giấy trên dưới 2000 trang

in luôn một lúu đóng làm 5 quyển

Sách đã bắt đầu in nhưng không bán lẻ từng cuốn

Sách in làm 3 hạng :

trọng giấy thường số bán tư 20 \$ 00

ong lụa Do (đựng hộp học lựa) 50 \$ 00

Hạng Bạch Minh châu (đựng hộp gấm) 150 \$ 00

(hèm cước gửi ngoài)

Thư và ngân phiếu xin gửi về

Nhà in MAI-LÍNH Hanoi

MỜI XUẤT BẢN

LE CAPITAINE ĐỖ HỮU VI
par S. E. PHẠM QUỲNH
Ministre de l'Intérieur,

Một cuốn sách hay của thư-xã Alexandre de Rhodes, dày 50 trang, khổ 12×18, có ba bức ảnh và bản dịch của Nguyễn Tiến Lãng. Pháp-văn và Việt-văn đối-chiếu. Một áng văn kiệt-tả của cụ Thượng Phụng, mà trong thời buổi này, thanh niên Nam Việt ai ai cũng nên ngắm đọc và suy-nghĩ.

Bản thường	0\$50
Bản giấy tốt	3 00
Cuộc	0 32

Tôi g phát hành

MAI LINH

21, Rue des Pipes — Hanoi

Một quyển sách làm chấn động dư luận:

**LỊCH-SỬ ĐẠO THIÊN CHÚA
Ở VIỆT-NAM**

Xuất-bản dưới quyền Duyệt-Chính
của cha L. Cadère và cụ Ứng-Hồ
Tựa của Đức Giám-Mạng Tòa-Thánh
ở Đông-Đông

Bản viết của
Hồng-Lam

Chủ giải của
Cha L. Cadère

ĐÃ CÓ BÁN KHẮP CÁC HIỆU SÁCH LỚN
và ở

ĐẠI-VIỆT THIÊN-BẢN

50bis Avenue Khải Định Huế

Mua sách xin gửi 8\$00 tiền sách và 1\$20
tiền gửi và tiền gói

Bắt đầu từ Février 1944

**NHÀ SÁCH LỚN
MINH ĐỨC**

Thị Bình — Bắc Kỳ

Nhận được làm đồng phát hành các sách có tính cách
khảo cứu, phê bình, giáo dục, nghiên cứu, nghị luận, tư
tưởng, lịch sử, phong tục, sách dịch thi ca, sáng tác v. v...

TRONG LÚC NÀY

Đề các sách, truyện cho nhà sách Minh Đức
phát hành, số sách sẽ thay tăng hơn mức
thường, với một công việc tổ chức lối bán cho
các tiểu tỷ và đọc giả có phương pháp mới nhiệm

Các nhà xuất bản, các nhà văn muốn các sách đề cho
nhà Minh Đức phát hành xin viết thư về hỏi điều lệ.

Đã phát hành cuốn

PHONG LƯU ĐỒNG RUỘNG

Anh Hoa xuất bản và phát hành riêng ở Hanoi
Minh Đức Thái Bình phát hành ở các nơi

Pho sách sưu tầm rất công phu về các thú chơi thanh nhả ở
các miền quê rất nên thơ ở làng mạc Việt Nam. Từ điệu
hát quan họ, thi làm cổ, thổi cơm thi, đến các lối chơi như
dù đu, ném pháo, chọi trâu, thả chim v. v... đều được
diễn tả rất thần tình dưới chòm cây của Toun Anh. Sách
dày in mỹ thuật 2\$50 một cuốn. ở xa mua một cuốn xin
gửi thêm 0\$30 cước phí. Vandalat đến: Minh Đức Thái Bình.

Sắp

KINH TẾ HỌC PHỔ THÔNG
của NGUYỄN HẢI AU

Nghiên cứu cái thế máy của được sinh hoạt
kinh tế hiện tại chỉ vạch những định luật
chỉ phối sự xuất sản, sự lưu thông, sự
phân phối và sự tiêu thụ hàng hóa

**SỐNG Ở XÃ HỘI HIỆN THỜI PHẢI
HIỂU RÕ GUỒNG MÁY KINH TẾ**

Muốn hiểu rõ guồng máy kinh tế ở xã hội
hiện thời, không thể bỏ qua được quyển

KINH TẾ HỌC PHỔ THÔNG giá 3\$60

Đã có bán

LÝ THƯỜNG KIỆT bác phạt

của NGUYỄN TÊ MỸ — giá 2\$00

HÀN THUYỀN

71 Tiền Tần — Hanoi

REVUE TRI-TÂN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1944 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant: Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chancéaulme, Hanoi